

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI
NGÀNH KẾ TOÁN

1. Chuyên ngành: Kế toán
2. Chuyên ngành: Kế toán tài chính công

Hà Nội, năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Đại học Mỏ - Địa chất	Mã học phần	ĐH Kinh tế quốc dân		Học viện Tài chính		ĐH Quốc Gia Hà Nội		ĐH Quảng tây (Trung Quốc)	
			Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương			41						
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			35						
1	Toán cao cấp 1	4010113		3	Toán cao cấp 1	2	Toán cao cấp	4	Toán cao cấp 1	4
2	Xác suất thống kê	4010104	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Xác suất thống kê	3	Xác suất thống kê	1
3	Tiếng Anh B1 - 1	4010611	Ngoại ngữ	9	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	Tiếng Anh B1	5	Tiếng anh 1	3
4	Tiếng Anh B1 - 2	4010612			Ngoại ngữ cơ bản 2	4			Tiếng anh 2	5
									Tiếng anh 3	5
									Tiếng anh 4	5
5	Giáo dục thể chất 1	4010701	Giáo dục thể chất	5	Giáo dục thể chất (150 tiết)	0	Giáo dục thể chất	4	Thể dục 1	1
6	Giáo dục thể chất 2	4010702							Thể dục 2	2
7	Giáo dục thể chất 3	4010703							Thể dục 3	2
8	Giáo dục thể chất 4	4010704							Thể dục 4	1
9	Giáo dục thể chất 5	4010705								
10	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 1	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 1	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2		
11	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3		
12	Pháp luật đại cương	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	Nhà nước và pháp luật đại cương	2		
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
14	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		
15	Tin học B + Thực hành (Khởi kinh tế)	4080202	Tin học đại cương	3	Tin học đại cương	3	Tin học cơ sở 2	3		
16	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	4300101	Giáo dục quốc phòng	8	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	0	Giáo dục quốc phòng an ninh	8	Quân sự và giáo dục quốc phòng	2
			Toán cho nhà kinh tế 1	2			Kĩ năng mềm	3	Cơ sở văn hóa	4
			Toán cho nhà kinh tế 2	3			Toán kinh tế	3	Tình hình và chính sách giáo dục	2

								Hướng nghiệp	1,5
								Tóm tắt khoa học nhân văn (bắt buộc)	2
								Tóm tắt khoa học tự nhiên (bắt buộc)	2
								Đại số tuyến tính	1
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)		6						
17	Toán cao cấp 2	4010114	3		Toán cao cấp 2 (Bắt buộc)	2		Toán cao cấp 2 (bắt buộc)	4
18	Hóa học đại cương phần 1 + TN	4010301	3						
19	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	3					Theo thông báo	6
20	Tin học A	4080215	2						
21	Tiếng Anh A1 - 1	4010609	2				Tiếng Anh A1 (Bắt buộc)	4	
22	Tiếng Anh A1 - 2	4010610	2				Tiếng Anh A2 (Bắt buộc)	5	
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		20						
23	Kinh tế vi mô	4070101	3	Kinh tế vi mô 1	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3
24	Kinh tế vĩ mô	4070102	3	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3
25	Nguyên lý thống kê	4070104	2	Nguyên lý thống kê	3	Nguyên lý thống kê	3	Thống kê	3
26	Luật Kinh tế	4070107	2	Pháp luật kinh doanh	3	Pháp luật kinh tế	3	Pháp luật kinh tế (kinh doanh)	2
27	Marketing căn bản	4070205	3	Marketing căn bản (tự chọn)	2	Marketing căn bản	2	Nguyên lý Marketing	3
28	Tài chính tiền tệ	4070411	3			Tài chính tiền tệ	4		
29	Lý thuyết tiền tệ	4070413	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	3				
30	Thuế	4070420	2	Thuế (tự chọn)	2	Thuế	2	Thuế	3
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		54						
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		42						
III.1.1	Kiến thức hỗ trợ chuyên ngành		10						
31	Kinh tế công nghiệp	4070303	3						
32	Kinh tế lượng	4070103	3	Kinh tế lượng 1	3	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng	3
33	Quản trị học	4070216	2	Quản lý học	3			Quản trị học	3
34	Thị trường chứng khoán	4070414	2	Thị trường chứng khoán (tự chọn)	2	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán (Tự chọn)	2		

				Quản trị kinh doanh	3	Thống kê doanh nghiệp	2		Quản lý tài chính doanh nghiệp quốc tế	2,5
						Chuẩn mực kế toán quốc tế	2		Quản lý tài chính	3
						Đại cương về kế toán tập đoàn	2		Marketing quốc tế	3
						Kiểm toán báo cáo tài chính	2		Tài chính quốc tế	3
									Quản trị rủi ro và chiến lược công ty	2,5
III. Kiến thức chuyên ngành										
1.2		27								
35	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	4070309	3	Phân tích kinh doanh (tự chọn)	2		Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
36	Nguyên lý kế toán	4070401	3	Nguyên lý kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3	Kế toán	*3
37	Đồ án nguyên lý kế toán	4070402	1							
38	Kế toán tài chính 1	4070403	4	Kế toán tài chính 1	3		Kế toán tài chính 1	3		
39	Kế toán tài chính 2	4070404	3	Kế toán tài chính 2	3		Kế toán tài chính 2	3		
				Kế toán tài chính 3	2		Kế toán tài chính 3	3		
				Kế toán tài chính 4	2					
40	Đồ án kế toán tài chính	4070405	1							
41	Kế toán quản trị	4070407	3	Kế toán quản trị 1	3		Kế toán quản trị	3	Kế toán quản trị	3
				Kế toán quản trị 2 (tự chọn)	2					
42	Đồ án môn kế toán quản trị	4070408	1							
43	Kiểm toán căn bản	4070409	3	Kiểm toán căn bản	3		Kiểm toán căn bản	3	Kiểm toán căn bản	3
44	Kế toán máy	4070412	2						Tin học kế toán (phần mềm kế toán)	2
45	Tài chính doanh nghiệp	4070406	3						Tài chính doanh nghiệp	2
				Kế toán công	3		Tài chính doanh nghiệp	3	Nghiệp vụ kế toán	3
				Kiểm toán tài chính 1	3		Phân tích tài chính	3	Kế toán giá thành	3
				Kiểm toán tài chính 2	3		Quản trị tài chính quốc tế	3	Kế toán quốc tế	3
				Hệ thống thông tin kế toán	3		Hệ thống thông tin kế toán	3	Hệ thống thông tin kế toán	3
				Quản trị tài chính	3				Tiếng anh 1	2
				Kiểm toán hoạt động	3				Tiếng anh 2	2
				Kiểm soát quản lý	3				Tiếng anh 3	3

				Đề án môn học	2					Ngữ âm và giao tiếp tiếng anh	3
										Viết tiếng anh 1	2
										Nghe nói tiếng anh 1	2
										Nghe nói tiếng anh 1	2
										Nghe nói tiếng anh 1	2
III.	Kiến thức chuyên sâu		5								
III.1.3.	Chuyên sâu về KT doanh nghiệp công nghiệp		5								
46	Kế toán chi phí sản xuất	4070421	3								
47	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp	4070443	2								
III.1.3.2	Chuyên sâu về KT thương mại dịch vụ		5								
48	Kế toán thương mại dịch vụ	4070423	3								
49	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ	4070444	2								
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 6TC)	4070105	6								.
50	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	4070105	2								
51	Mô hình toán kinh tế	4070108	2								
52	Kinh doanh quốc tế	4070109	2							Kinh doanh quốc tế	2
53	Tin học ứng dụng trong kinh tế	4070111	2								
54	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	4070113	2								

55	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4070114	2			Lịch sử các học thuyết kinh tế	2						
56	Tâm lý học quản trị kinh doanh	4070215	2										
57	Quản trị chiến lược	4070217	2										
58	Kinh tế môi trường	4070305	2	Kinh tế và quản lý môi trường	2	Kinh tế môi trường	2						
59	Kinh tế phát triển	4070313	2	Kinh tế phát triển	2	Kinh tế phát triển	2						
60	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	4070316	2										
61	Quản trị sản xuất	4070330	2										
62	Quản trị dự án đầu tư	4070331	2	Lập và Quản lý dự án đầu tư	2								
63	Quản trị nhân lực	4070329	2	Quản trị nhân lực	2						Quản trị nguồn nhân lực	2	
64	Kế toán xây dựng cơ bản	4070422	2										
65	Quản trị thương mại	4070314	2										
66	Thanh toán quốc tế	4070424	2	Thanh toán quốc tế	2						Thanh toán quốc tế	2	
67	Kế toán hành chính sự nghiệp	4070437	3			Kế toán hành chính sự nghiệp 1 (Bắt buộc)	2						
68	Kế toán Ngân hàng	4070445	2			Kế toán ngân hàng thương mại	3						
69	Nghiệp vụ Ngân hàng	4070446	2										
70	Nghiệp vụ Hải quan	4070447	2										
71	Lý thuyết bảo hiểm	4070448	2										
72	Nghiệp vụ bảo hiểm	4070449	2										
73	Kế toán bảo hiểm	4070450	2										
74	Tổ chức công tác kế toán công	4070451	2										
75	Kế toán dự trữ nhà nước	4070452	2										
76	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp mô	4070218	2										
77	Quản trị logistics kinh doanh	4070222	2										
				Lịch sử kinh tế	2	Quản lý hành chính công	2	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng (bắt buộc)	3	Tài chính học	2		
				Thống kê kinh doanh	2	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2	Định giá doanh nghiệp	3	Báo cáo tài chính doanh nghiệp	2		
				Dự báo kinh tế và kinh doanh	2	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp	2	Nguyên lý quản trị kinh doanh (Bắt buộc)	3	Effective Writing Skills	2		
				Kinh tế vi mô 2	2	Kinh tế quốc tế 1	2	Đầu tư tài chính	3	Kế toán ngân sách	2		

				Kỹ năng quản trị	2			Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	3	Đầu tư chứng khoán	2
				Thị trường bất động sản	2			Những vấn đề hiện tại của kế toán	3	Định giá tài sản	2
				Tài chính công	2			Đảm phán trong kinh doanh	3	Hợp tác kinh tế quốc tế	2
				Tài chính quốc tế	2			Các thị trường và định chế tài chính	3	Hợp tác kinh tế quốc tế tuần 14-18 mở lớp	2
				Thẩm định dự án đầu tư	2					Quản lý nguồn nhân lực tuần 14-18 mở lớp	2
				Kế toán công ty	2					chuyên đề kế toán, kiểm toán viên	2
				Ngân hàng thương mại	2					chuyên đề kế toán, kiểm toán viên tuần 14-18 mở lớp	2
				Phân tích báo cáo tài chính	2					Thiết kế đồ họa và xử lý	2
				Kế toán quốc tế	2					Thiết kế đồ họa và xử lý tuần 14-18 mở lớp	2
				Kế toán dự án đầu tư	2						
III. Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (GTC)				6							
78	Kinh tế và QTDN	4000001	3								
79	Quản trị dự án đầu tư	4000002	3								
80	Kế toán tài chính	4000003	3								
81	Autocad	4000004	2								
82	Tiếng Anh 3	4000005	2								
83	Tiếng Anh 4	4000006	2								
84	Thiết kế Website	4020104	2								
85	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	4010403	2								
86	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	4010603	2								

[illegible]

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 455/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQĐ)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 52340301
CHUYÊN NGÀNH (SPECIALITY): KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
MÃ CHUYÊN NGÀNH (CODE): 442
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): CHÍNH QUY (FULL - TIME)

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		MÃ BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ						
					1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số tín chỉ			130							
	Kiến thức giáo dục đại cương			44							
	Kiến thức bắt buộc			32							
1	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL	2	2						
2	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL	3		3					
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT	2			2				
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL	3				3			
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3				
6	6	Toán cho các nhà kinh tế 1 Mathematics for Economics 1	TOCB	2	2						
7	7	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3		3					
8	8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3			3				
9	9	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS	2	2						
10	10	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT	3	3						
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	5	1	1	1	1	1		

[illegible]

		Quản lý công nghệ Management of Technology	QLCN									
28	2	Thống kê kinh doanh Business Statistics	TKKD	2					2			
		Lập và Quản lý dự án đầu tư Investment Project Design and Management	DTKT									
		Dự báo kinh tế và kinh doanh Economic and Business Forecasting	PTCC									
29	3	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT	2					2			
		Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT									
		Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI									
30	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT	2								2
		Kỹ năng quản trị Management Skills	QTKD									
31	5	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA	2						2		
		Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK									
		Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD									
32	6	Tài chính công Public Finance	NHCO	2						2		
		Tài chính quốc tế International Finance	NHQT									
		Thanh toán quốc tế International Settlement	NHQT									
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành				22								
33	1	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC	2								2
34	2	Kế toán công Accounting for Public Sector	KTKE	3								3
35	3	Kiểm toán tài chính 1 Financial Auditing 1	KTKI	3					3			
36	4	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI	3						3		

37	5	Kiểm toán hoạt động Operational Auditing	KTKI	3							3	
38	6	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI	3								3
39	7	Đề án môn học Essay on Auditing	KTTC	2								2
40	8	Kiến tập kế toán Accounting Internship	KTTC	3								3
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành (Sinh viên tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				6								
39	1	Phân tích kinh doanh Business analysis	KTQT	2							2	
		Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT									
		Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT									
40	2	Kế toán công ty Company Accounting	KTTC	2							2	
		Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM									
		Phân tích báo cáo tài chính Financial statement analysis	KTTC									
41	3	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE	2							2	
		Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE									
		Thuế Taxation	NHCO									
Chuyên đề thực tập Internship Programme				10								
Tổng số tín chỉ bố trí cho các học kỳ					15	12	17	18	19	19	20	
Kiểm tra trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra			Không tính điểm. Sinh viên đạt chuẩn mới đủ điều kiện tốt nghiệp; Sinh viên được miễn kiểm tra nếu có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.									

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Nguồn link: <http://daotao.neu.edu.vn/dao-tao-ktqd/KE-TOAN-ACCOUNTING/164>

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TOÀN KHOÁ HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH KẾ TOÁN

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (Mã 21)

*(Ban hành kèm theo quyết định số 838/QĐ-HVTC ngày 20/08/2010
của Giám đốc Học viện Tài chính)*

PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

36

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>30</i>	
1	MPT0125	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	
2	MPT0126	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	
3	VPP0027	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
4	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
5	BFL0117	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	
6	BFL0118	Ngoại ngữ cơ bản 2	4	
7	AMA0237	Toán cao cấp 1	2	
8	AMA0238	Toán cao cấp 2	2	
9	PAS0107	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	
11	GCO0233	Tin học đại cương	3	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>6</i>	
12	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	
13	SOC0248	Xã hội học	2	
14	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	
15	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	
16	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	

PHẦN KIẾN THỨC GDTC & GDQP

17	AED0029	Giáo dục thể chất (150 tiết)	0	
18	MED0028	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	0	

PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**83****Kiến thức cơ sở khối ngành****6**

19	MAE0101	Kinh tế vĩ mô	3	
20	MIE0100	Kinh tế vi mô	3	

Kiến thức cơ sở ngành**25**

21	SFL0115	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	
22	SFL0116	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	3	
23	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	
24	ELA0142	Pháp luật kinh tế	3	
25	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	
26	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	
27	ACO0234	Tin học ứng dụng	2	
28	QEC0096	Kinh tế lượng	3	

Kiến thức ngành**17**

29	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	
30	CAO0235	Tổ chức công tác kế toán trong DN	2	
31	IAS0010	Chuẩn mực kế toán quốc tế	2	
32	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	
33	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	
34	FAC0048	Kế toán tài chính 1	4	
35	GAC0253	Đại cương về kế toán tập đoàn	2	

Kiến thức chuyên ngành**14**

		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>	
36	FAC0049	Kế toán tài chính 2	2	
37	FAC0050	Kế toán tài chính 3	2	
38	FAC0051	Kế toán tài chính 4	2	
39	MAC0043	Kế toán quản trị 1	2	
40	MAC0044	Kế toán quản trị 2	2	
41	CCA0036	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>	
42	BCA0037	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2	
43	ACA0035	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp	2	

Kiến thức bổ trợ**21**

		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>	
44	GMA0111	Marketing căn bản	2	
45	CFI0186	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
46	CFI0187	Tài chính doanh nghiệp 2	2	
47	FRA0077	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	
48	TAX0215	Thuế	2	
49	OAC0038	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	2	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>8</i>	
50	IEC0099	Kinh tế quốc tế 1	2	
51	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	
52	IEC0033	Internet & Thương mại điện tử	2	
53	CCU0246	Văn hoá doanh nghiệp	2	
54	PRE0144	Quan hệ công chúng	2	
55	MSI0056	Khoa học quản lý	2	
56	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	
57	AVA0025	Định giá tài sản 1	2	
58	SMI0196	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	2	
59	CBM0169	Quản trị ngân hàng thương mại 1	2	
60	INS0001	Bảo hiểm	2	
61	EFA0047	Kế toán tài chính (giảng bằng tiếng Anh)	2	

THỰC TẬP CUỐI KHOÁ, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**10**

62	SPR0209	Thực tập cuối khoá 21	4	
63	THE0067	Khóa luận tốt nghiệp 21	6	

Tổng số tín chỉ**129**

Nguồn link: <https://hvtc.edu.vn/daotao/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3601 /QĐ-ĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo
cử nhân ngành Kế toán**

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định 07/2001/NĐ-CP ngày 1 tháng 2 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 2 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2010;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, Ban ĐT, H20.

đã ký

GS.TS. Mai Trọng Nhuận

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN

NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3601/QĐ - ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2012
của Giám đốc ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:

Tên tiếng Việt: Kế toán

Tiếng Anh: Accounting

- Mã số ngành đào tạo: 340301

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Kế toán

Tiếng Anh: Accounting

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán theo định hướng chuyên gia. Sinh viên ra trường có khả năng thực hiện các nghiệp vụ về kế toán, phân tích dự báo tài chính trong các doanh nghiệp và tổ chức khác; nghiên cứu, giảng dạy về kế toán trong các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; Có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để trở thành các nhà lãnh đạo, các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN, trường ĐH Kinh tế.

- Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN, trường ĐH Kinh tế và ngành Kế toán.

- Khối thi: A, A1, D1

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: 80 sinh viên

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kinh tế cơ bản của nhóm ngành kinh tế và quản trị kinh doanh vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.
- Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.
- Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.
- Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kế toán có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán; tiếp cận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo từng vị trí công việc được phân công.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán và tài chính.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.
- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.
- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 5.0 trở lên.
- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm kế toán; có thể sử dụng thành thạo internet và các thiết bị văn phòng.

3. Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân: Có những phẩm chất cá nhân như tự tin, can đảm, trung thành, công nhận thành quả của người khác.
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành vi chuyên nghiệp.
- Có phẩm chất đạo đức xã hội: Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc; xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

4. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác; có thể đảm nhiệm các công việc như: kế toán tiền mặt, kế toán hàng tồn kho, kế toán doanh thu - chi phí, kế toán công nợ phải thu - phải trả, kế toán nguồn vốn, kế toán thuế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành kế toán trưởng, nhà quản lý quỹ, kiểm toán viên nội bộ.

Nhóm 2 - Chuyên viên phân tích và tư vấn: Có khả năng làm việc tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; có thể đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán: Có khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán; có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, kiểm toán viên cao cấp.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc: tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kế toán, kiểm toán; trợ lý giảng dạy các môn học có liên quan đến kế toán, kiểm toán; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 tín chỉ

- Khối kiến thức chung: 27 tín chỉ
(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)
- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 10 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành: 16 tín chỉ
 - Bắt buộc: 14 tín chỉ
 - Tự chọn: 2/8 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 21 tín chỉ
 - Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - Tự chọn: 3/6 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành: 61 tín chỉ
 - Bắt buộc: 33 tín chỉ
 - Tự chọn: 15/33 tín chỉ
 - Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn học 9-11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106
9		Giáo dục thể chất	4				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	10				
12	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
13	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
14	MAT1005	Toán kinh tế	3	27	18		BSA1053
III		Khối kiến thức theo khối ngành	16				
III.1		Các môn học bắt buộc	14				
15	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	23	5	2	
16	INE1050	Kinh tế vi mô	3	35	10		
17	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	35	10		
18	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	15		MAT1101
19	INE1052	Kinh tế lượng	3	24	21		INT1004, INE1051, BSA1053
III.2		Các môn học tự chọn	2/8				
20	BSA1022	Lãnh đạo và giao tiếp nhóm	2	20	10		
21	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
22	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	15	12	3	
23	PHI1051	Logic học	2	20	6	4	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	21				
IV.1		Các môn học bắt buộc	18				
24	BSL1050	Luật kinh tế	3	27	18		THL1057
25	BSA2013	Nguyên lý quản trị kinh doanh	3	27	18		
26	FIB2001	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3	35	10		INE1051
27	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp 1	3	25	20		BSA2001
28	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
29	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	21	23	1	
IV.2		Các môn học tự chọn	3/6				
30	FIB3010	Định giá doanh nghiệp	3	25	20		BSA2018
31	FIB3004	Đầu tư tài chính	3	35	10		BSA2018
V		Khối kiến thức ngành	61				
V.1		Các môn học bắt buộc	33				
32	BSA2019	Kế toán tài chính 1	3	27	18		BSA2001

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
33	FIB3013	Kế toán tài chính 2	3	27	18		BSA2019
34	FIB3014	Kế toán tài chính 3	3	27	18		FIB3013
35	BSA3007	Kế toán quản trị	3	35	10		BSA2001
36	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp 2	3	35	10		BSA2018
37	FIB2015	Thuế	3	27	18		INE1050
38	FIB3009	Hệ thống thông tin kế toán	3	27	18		BSA2001
39	INE3023	Quản trị tài chính quốc tế	3	30	15		FIB2001
40	FIB3015	Phân tích tài chính	3	20	25		BSA2001
41	BSA3009	Kiểm toán căn bản	3	30	15		BSA2001
42	BSA2016	Phân tích hoạt động kinh doanh.	3	25	20		BSA2001
V.2		Các môn học tự chọn	15				
V.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	9				
V.2.1.1		<i>Các môn học chuyên sâu về Kế toán</i>	9				
43	BSA3002	Kế toán quốc tế	3	25	20		BSA2001
44	BSA3001	Kế toán thuế	3	20	25		BSA2001
45	FIB3020	Thực hành kế toán tài chính	3	10	35		BSA2019
V.2.1.2		<i>Các môn học chuyên sâu về Kiểm toán</i>	9				
46	FIB3021	Kiểm toán tài chính	3	30	15		BSA3009
47	FIB3022	Kiểm toán nội bộ	3	22	23		BSA3009
48	FIB3023	Thực hành kiểm toán tài chính	3	18	27		BSA2019
V.2.2		<i>Các môn học bổ trợ chọn chung</i>	6/15				
49	FIB3016	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	3	23	22		BSA2019
50	FIB3017	Kế toán ngân hàng thương mại	3	20	25		BSA2001
51	FIB4057	Những vấn đề hiện tại của kế toán	3	22	23		BSA2019
52	BSA3022	Đàm phán trong kinh doanh	3	24	21		BSA2103
53	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính	3	20	25		FIB2001
V.3		Kiểm thức thực tập và tốt nghiệp	13				
V.3.1		<i>Thực tập và niên luận</i>	7				
54	FIB4052	Thực tập thực tế 1	2				
55	FIB4053	Thực tập thực tế 2	2				
56	FIB4050	Niên luận	3				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V.3.2		<i>Khoá luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế</i>	6				
57	FIB4156	Khoá luận tốt nghiệp	6				
		02 môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp					
58	FIB3019	Kế toán công	3	22	23		BSA2019
59	FIB3030	Kiểm toán dự án	3	20	25		BSA3009
		Tổng cộng	135				

Nguồn link: <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C2095/N13753/Ban-hanh-Chuong-trinh-dao-tao-chuan-nganh-Ke-toan.htm>

Kế hoạch học tập chuyên ngành kế toán - đại học - năm 2011 (Đại học Quảng tây)

Phan loai	ma so hp		Tên học phần	Phân các môn tương ứng các kì					Phương thức thi	học phần	các kì								Tổng số học phần
	chữ	ma so		Tổng	Lý luận	thực hành	giờ nghiên cứu				1	2	3	4	5	6	7	8	
		小计		485	316	110	54			27	13	8	7	6					
Các môn cơ sở của chuyên ngành	BJ	523061	- Nghiệp vụ kế toán	51	30	15	5	试		3			3						
	BJ	524271	Kế toán giá thành	51	30	15	5	试		3		3							
	BJ	523301	▲ Management Accounting	51	30	15	5	试		3					3				
	BJ	524221	The Basics of Audit	51	30	15	5	试		3				3					
	BJ	523541	Accounting Information System	51	30	15	5	试		3						3			
	BJ	523341	Kế toán quốc tế	51	30	15	5	查		3				3					
	BJ	524001	Quản lý Tài chính doanh nghiệp quốc tế	45	30	10	5	试		2,5				3					
	BJ	524191	Financial Management	51	30	15	5	试		3					3				
	BJ	524081	marketing quốc tế	48	30	10	6	查		3		3							
	BJ	523391	Tài chính quốc tế	51	30	15	5	试		3								3	
Các môn chuyên ngành bắt buộc chọn 专业限选课	BJ	523281	Quản trị rủi ro và chiến lược công ty	42	20	12	8	试		2,5								2	
	BJ	523261	Tài chính doanh nghiệp	32	23	7	2	查		2		2							
	BJ	523271	Nghiệp vụ thuế	36	24	6	6	查		2		2							
		小计 tong cong		611	367	165	67			36		8	5	6	6	6	5		
	XZ	523451	Tiếng anh 1	28	21	4	3	试		2	2								
	XZ	523461	Tiếng anh 2	36	24	6	6	试		2		2							
	XZ	523471	Tiếng anh 3	51	30	15	5	试		3						4			
	XZ	523531	Ngữ âm và giao tiếp tiếng anh	51	30	15	5	查		3					4				
	XZ	523511	Viết tiếng anh 1	33	26	6	4	试		2			2						
	XZ	523481	Nghe nói tiếng anh 1	28	21	4	3	试		2	2								
	XZ	523491	Nghe nói tiếng anh 1	36	24	6	6	试		2		2							
	XZ	523501	Nghe nói tiếng anh 1	36	24	6	6	试		2			2						
	XZ	524131	tin học kế toán (phần mềm kế toán)	36	24	6	6	查		2		2							
		小计		335	224	68	44			20	4	6	4		4	4			
	RZ	523071	Tài chính học	32	23	7	2	查		2				3					
	RZ	523251	Financial and Corporate Reporting	32	23	7	2	查		2					2				
	RZ	523371	Thanh toán quốc tế	32	23	7	2	查		2								4	
	RZ	523521	Effective Writing Skills	32	第2页, 共3页		7	查		2					2				
	RZ	524151	Kế toán ngân sách	32	23	7	2	查		2								2	

Kế hoạch học tập chuyên ngành kế toán - đại học - năm 2011 (Đại học Quảng tây)

Phan loai	ma so hp		Tên học phần	Phân các môn tương ứng các kì					Phương thức thi	học phần	các kì								Tổng số học phần
	chữ	ma so		Tổng	Lý luận	thực hành	giờ nghiên cứu				1	2	3	4	5	6	7	8	
Yêu cầu môn chuyên ngành lựa chọn - 专业任选课	RZ	529026	Đầu tư chứng khoán	32	23	7	2	✓	2				3						10
	RZ	529111		32	23	7	2	✓	2								3		
	RZ	529141	Định giá tài sản	32	23	7	2	✓	2									4	
	RZ	529151	Kinh doanh quốc tế	32	23	7	2	✓	2									3	
	RZ	5291011	Hợp tác kinh tế quốc tế	32	23	7	2	✓	2										
	RZ	5291012	Hợp tác kinh tế quốc tếtuần 14-18 mo	32	23	7	2	✓	2					6					
	RZ	5291211	Quản trị nguồn nhân lực	32	23	7	2	✓	2							3			
	RZ	5291212	Quản lý nguồn nhân lực tuần 14-18 mở lớp	32	23	7	2	✓	2					6					
	RZ	5291311	chuyên đề kế toán,kiểm toán viên	32	23	7	2	✓	2							3			
	RZ	5291312	chuyên đề kế toán,kiểm toán viên tuần 14-18 mở lớp	32	23	7	2	✓	2					6					
	RZ	5291611	Thiết kế đồ họa và xử lý	32	23	7	2	✓	2							3			10
	RZ	5291612	Thiết kế đồ họa và xử lý tuần 14-18 mở lớp	32	23	7	2	✓	2					6					
	小计									10									
	BS	520031	luan van tot nghiệp	6Tuần						4								✓	
	BS	520041	Thực tập chuyên ngành hoặc thực tập	6Tuần						4								✓	
Thực tập và tiết học khác 实践性与其它教学环节	BS	520061	Quản sự và giáo dục quốc phòng	3Tuần						2	✓								10
	BS	520051	lao động công ích																
	小计		Tổng cộng							10									

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Đại học Mỏ - Địa chất		Học viện Tài chính		ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	
	Tên học phần	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
I	Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc					
1	Toán cao cấp 1	4010113	Toán cao cấp 1	2	Toán cao cấp	4
2	Xác suất thống kê	4010104	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
3	Tiếng Anh B1 - 1	4010611	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	Ngoại ngữ (Phần 1 và 2)	7
4	Tiếng Anh B1 - 2	4010612	Ngoại ngữ cơ bản 2	4		
5	Giáo dục thể chất 1	4010701	Giáo dục thể chất (150 tiết)			
6	Giáo dục thể chất 2	4010702				
7	Giáo dục thể chất 3	4010703				
8	Giáo dục thể chất 4	4010704				
9	Giáo dục thể chất 5	4010705				
10	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	4020101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin	5
11	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	4020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3		
12	Pháp luật đại cương	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
14	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	3
15	Tin học B + Thực hành (Khởi kinh tế)	4080217	Tin học đại cương	3	Tin học đại cương	3
16	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	4300101	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)		Tối ưu hóa	2
					Kinh tế quốc tế	2
					Quản trị học	2
					Kinh tế phát triển	2
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)	6				
17	Toán cao cấp 2	4010114	Toán cao cấp 2	2		
18	Hóa học đại cương phần 1 + TN	4010301	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
19	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	Xã hội học	2	Marketing căn bản	3
20	Tin học A	4080215	Quản lý hành chính công	2	Nguyên lý kế toán	3
21	Tiếng Anh A1 - 1	4010609	Kinh tế môi trường	2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
22	Tiếng Anh A1 - 2	4010610	Kinh tế phát triển	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
					Luật lao động	3
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	20				
23	Kinh tế vi mô	4070101	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô I	3
24	Kinh tế vĩ mô	4070102	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô I	3
25	Nguyên lý thống kê	4070104	Nguyên lý thống kê	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
26	Luật Kinh tế	4070107	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	Luật kinh tế	3
27	Marketing căn bản	4070205	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	4	Marketing căn bản	3

28	Tài chính tiền tệ	4070411	3	Tài chính tiền tệ	4	Hành vi tổ chức	3
29	Lý thuyết tiền tệ	4070413	2	Pháp luật kinh tế	3	Thị trường tài chính	3
30	Thuế	4070420	2	Tin học ứng dụng	2	Quản trị sản xuất	3
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		74				
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		62				
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		10				
1							
31	Lý thuyết tài chính công	4070430	3			Tài chính công	2
32	Kinh tế lượng	4070103	3	Kinh tế lượng	3	Quản trị tài chính	3
33	Quản trị học	4070216	2			Ngoại ngữ chuyên ngành	5
34	Thị trường chứng khoán	4070414	2			Quản trị rủi ro	2
				Quản lý tài chính công	2	Nguyên lý thẩm định giá	2
				Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công	2	Thanh toán quốc tế I	2
				Quản lý tài chính xã, phường	2	Thuế I	2
				Kiểm toán 3 (NSNN)	2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2
				Tài chính doanh nghiệp 1	3	Dầu tư tài chính	2
				Kế toán tài chính 2	2		
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		47				
2							
35	Lý thuyết kế toán công	4070429	3				
36	Nguyên lý kế toán	4070401	3	Nguyên lý kế toán	3		
37	Kế toán tài chính doanh nghiệp	4070419	3				
38	Tổ chức quản lý thuế	4070431	2				
39	Tài chính doanh nghiệp	4070406	3				
40	Thực tập nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị công	4070440	2				
41	Kế toán quản trị	4070407	3			Kế toán quản trị	3
42	Kiểm toán căn bản	4070409	3	Kiểm toán căn bản	2	Kiểm toán I	3
				Thống kê doanh nghiệp	2	Kế toán tài chính I	3
				Tổ chức công tác kế toán công	2	Kế toán tài chính II	3
				Chuẩn mực kế toán công I	2	Kế toán chi phí	3
				Lý thuyết phân tích chính sách tài chính I	3	Hệ thống thông tin kế toán I	3
				Kế toán tài chính I	4	Hệ thống thông tin kế toán II	3
				Đại cương về kế toán tập đoàn	2		
III.1.3	Kiến thức chuyên sâu		5				
3							
III.1.3.1	Chuyên sâu về Kế toán Ngân sách nhà nước và kho bạc		12	Chỉ I hướng chuyên sâu		Chỉ I hướng chuyên sâu	
43	Phân tích chính sách công	4070433	3			Kế toán khu vực công I	3
44	Thực hành kế toán công tiền mây	4070432	2			Kế toán khu vực công II	3
45	Kế toán Ngân sách nhà nước và Kho bạc	4070434	3	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho Bạc NN	3	Kế toán quản trị khu vực công	3
46	Quản lý Ngân sách nhà nước và Kho bạc	4070435	3			Phân tích báo cáo tài chính khu vực công	2
47	Đồ án Ngân sách nhà nước và Kho bạc	4070436	1			Kiểm toán nhà nước	2

				Kế toán thu Ngân sách Nhà nước ở các cơ quan Thuế, Hải quan	2	Luật ngân sách nhà nước	2
				Chuẩn mực kế toán công 2	2	Kế toán quốc tế	2
				Kế toán quản trị công	2	Kế toán công quốc tế	2
						Báo cáo ngoại khóa	2
III.1.	Chuyên sâu về Kế toán Hành chính sự nghiệp		12				
3.2							
48	Phân tích chính sách công	4070433	3				
49	Thực hành kế toán công trên máy	4070432	2				
50	Kế toán Hành chính sự nghiệp	4070437	3	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	2		
				Kế toán hành chính sự nghiệp 2	2		
51	Quản lý tài chính Hành chính sự nghiệp	4070438	3				
52	Đồ án kế toán Hành chính sự nghiệp	4070439	1				
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa	4070105	6				
	(chọn 6TC)						
53	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	4070108	2	Kế toán Bảo hiểm xã hội	2		
54	Mô hình toán kinh tế	4070109	2	Kế toán các tổ chức chính trị xã hội	2		
55	Kinh doanh quốc tế	4070111	2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2		
56	Tin học ứng dụng trong kinh tế	4070113	2	Kế toán dự trữ Nhà Nước	2		
57	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	4070114	2	Kinh tế công cộng	2		
58	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4070215	2	Thuế	2		
59	Tâm lý học quản trị kinh doanh	4070217	2	Thống kê tài chính	2		
60	Quản trị chiến lược	4070305	2	Tài chính doanh nghiệp 2	2		
61	Kinh tế môi trường	4070313	2	Kinh tế quốc tế 1	2		
62	Kinh tế phát triển	4070316	2	Mô hình toán kinh tế	2		
63	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	4070330	2	Internet & Thương mại điện tử	2		
64	Quản trị sản xuất	4070331	2	Quan hệ công chúng	2		
65	Quản trị dự án đầu tư	4070329	2	Quản trị kinh doanh	2		
66	Thị trường chứng khoán	4070414	2	Định giá tài sản 1	2		
67	Kinh doanh tiền tệ	4070415	2	Quản trị ngân hàng thương mại 1	2		
68	Phân tích kinh tế doanh nghiệp	4070309	3	Chuẩn mực kế toán công (giảng bằng tiếng Anh)	2		
69	Kinh tế công nghiệp	4070334	3				
70	Kế toán chi phí sản xuất	4070421	3				
71	Kế toán xây dựng cơ bản	4070422	2				
72	Quản trị thương mại	4070314	2				
73	Thanh toán quốc tế	4070424	2				
74	Kế toán thương mại dịch vụ	4070423	3				
75	Kế toán Ngân hàng	4070446	2				
76	Nghệp vụ Ngân hàng	4070447	2				
77	Nghệp vụ Hải quan	4070448	2				
78	Lý thuyết bảo hiểm	4070449	2				
79	Nghệp vụ bảo hiểm	4070450	2				
80	Kế toán bảo hiểm	4070451	2				

81	Tổ chức công tác kế toán công	4070452	2					
82	Kế toán dự trữ nhà nước	4070218	2					
83	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp mở	4070222	2					
84	Quản trị logistics kinh doanh		2					
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (6TC)		6					
85	Kinh tế và QTDN	4000001	3					
86	Quản trị dự án đầu tư	4000002	3					
87	Kế toán tài chính	4000003	3					
88	Autocad	4000004	2					
89	Tiếng Anh 3	4000005	2					
90	Tiếng Anh 4	4000006	2					
91	Thiết kế Website	4020104	2					
92	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	4010403	2					
93	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	4010603	2					
94	Tâm lý học đại cương	4010604	2					
95	Tiếng Việt thực hành	4010605	2					
96	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4010606	2					
97	Kỹ năng tư duy phê phán	4010607	2					
98	Lịch sử Tiết học	4010608	2					
99	Tiếng Nga 1	4030114	2					
100	Tiếng Nga 2	4030222	2					
101	Tiếng Trung 1	4030422	2					
102	Tiếng Trung 2	4040101	2					
103	Cơ sở khai thác lộ thiên	4040110	2					
104	Cơ sở khai thác hầm lò	4040517	2					
105	Cơ sở tuyển khoáng	4050203	2					
106	Địa chất đại cương	4050302	3					
107	Địa mạo cảnh quan	4050301	2					
108	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	4050509	3					
109	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TD)+BTL	4050526	3					
110	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	4060142	3					
111	Cơ sở viễn thám	4060339	2					
112	Kỹ thuật môi trường	4060402	2					
113	Trắc địa đại cương	4070304	2					
114	Địa vật lý đại cương	4070331	2					
115	Cơ sở lọc hóa dầu	4070401	2					
116	Kỹ thuật dầu khí đại cương	4080153	2					
117	Nguyên lý kế toán	4080309	3					
118	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	4100167	2					
119	Môi trường và phát triển bền vững	4110114	2					
120	Địa y học	4110130	2					
121	Môi trường và con người	4110236	2					

122	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	4040825	2				
123	Kỹ thuật điện + TN	4090301	2				
124	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	4070335	2				
125	Văn hóa doanh nghiệp	4070336	2	Văn hoá doanh nghiệp	2		
IV	Thực tập tốt nghiệp		3				
126	Thực tập tốt nghiệp	4070441	3	Thực tập cuối khoá	4		
V	Đồ án tốt nghiệp		7				
127	Đồ án tốt nghiệp	4070442	7	Khóa luận tốt nghiệp	6	Thực tập và tốt nghiệp	10
	Tổng cộng		145				

P. BỘ MÔN

Phu' Phu' Binh Thau



PHÒNG QUẢN LÝ HỌC PHẦN

KHOA

Nguyễn Văn Đạt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TOÀN KHOÁ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH KẾ TOÁN

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG (Mã 23)

*(Ban hành kèm theo quyết định số 691/QĐ-HVTC ngày 06/08/2012 của
Giám đốc Học viện Tài chính)*

PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

36

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>30</i>	
1	MPT0125	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	
2	MPT0126	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	
3	VPP0027	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
4	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
5	BFL0117	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	
6	BFL0118	Ngoại ngữ cơ bản 2	4	
7	AMA0237	Toán cao cấp 1	2	
8	AMA0238	Toán cao cấp 2	2	
9	PAS0107	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	
11	GCO0233	Tin học đại cương	3	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>6</i>	
12	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	
13	SOC0248	Xã hội học	2	
14	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	
15	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	
16	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	

PHẦN KIẾN THỨC GDTC & GDQP

17	AED0029	Giáo dục thể chất (150 tiết)	0	
18	MED0028	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	0	

PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**84****Kiến thức cơ sở khối ngành****6**

19	MAE0101	Kinh tế vĩ mô	3	
20	MIE0100	Kinh tế vi mô	3	

Kiến thức cơ sở ngành**25**

21	SFL0115	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	
22	SFL0116	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	3	
23	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	
24	ELA0142	Pháp luật kinh tế	3	
25	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	
26	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	
27	ACO0234	Tin học ứng dụng	2	
28	QEC0096	Kinh tế lượng	3	

Kiến thức ngành**17**

29	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	
30	CPA0294	Tổ chức công tác kế toán công	2	
31	PAS0009	Chuẩn mực kế toán công 1	2	
32	FPA0104	Lý thuyết phân tích chính sách tài chính 1	3	
33	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	
34	FAC0048	Kế toán tài chính 1	4	
35	GAC0253	Đại cương về kế toán tập đoàn	2	

Kiến thức chuyên ngành**15**

		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>	
36	PTA0041	Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc NN	3	
37	OAC0038	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	2	
38	OAC0249	Kế toán hành chính sự nghiệp 2	2	
39	BRA0295	Kế toán thu Ngân sách Nhà nước ở các cơ quan Thuế, Hải quan	2	
40	AOC0296	Chuẩn mực kế toán công 2	2	
41	PMA0297	Kế toán quản trị công	2	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>	
42	CIA0298	Kế toán Bảo hiểm xã hội	2	
43	SPA0299	Kế toán các tổ chức chính trị xã hội	2	
44	AOC0296	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	
45	SRA0300	Kế toán dự trữ Nhà Nước	2	

Kiến thức bổ trợ**21**

		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>13</i>	
46	PFM 0150	Quản lý tài chính công	2	
47	FIO 0149	Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công	2	
48	FIC 0152	Quản lý tài chính xã, phường	2	
49	AUD 0076	Kiểm toán 3 (NSNN)	2	
50	CFI0186	Tài chính doanh nghiệp 1	3	
51	FAC0049	Kế toán tài chính 2	2	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>8</i>	
52	PEC0094	Kinh tế công cộng	2	
53	TAX0215	Thuế	2	
54	FST 0198	Thống kê tài chính	2	
55	CFI0187	Tài chính doanh nghiệp 2	2	
56	IEC0099	Kinh tế quốc tế 1	2	
57	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	
58	IEC0033	Internet & Thương mại điện tử	2	
59	CCU0246	Văn hoá doanh nghiệp	2	
60	PRE0144	Quan hệ công chúng	2	
61	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	
62	AVA0025	Định giá tài sản 1	2	
63	CBM0169	Quản trị ngân hàng thương mại 1	2	
64	PAS0009	Chuẩn mực kế toán công (giảng bằng tiếng Anh)	2	

THỰC TẬP CUỐI KHOÁ, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**10**

65	SPR0302	Thực tập cuối khoá 23	4	
66	THE0303	Khóa luận tốt nghiệp 23	6	
		Tổng số tín chỉ	130	

Nguồn link: <https://hvtc.edu.vn/daotao/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx>

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG**1. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo Cử nhân Kế toán công có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, kiến thức về quản trị hành chính, quản lý ngân sách, kế toán tài chính khu vực công, kiểm toán nhà nước, phân tích báo cáo tài chính các đơn vị công; có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán phục vụ công tác đơn vị để thực hiện theo các chương trình yêu cầu. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị công trong nhiều lĩnh vực, tại nhiều phòng ban, vị trí khác nhau và các bộ phận chức năng thuộc kế toán - kiểm toán tại bộ, sở, ban, ngành, cục, vụ, viện và cơ quan nhà nước khác.

2. Chương trình đào tạo

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục đại cương	37	
1	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin	5	
2	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	Ngoại ngữ (Phần 1 và 2)	7	
5	Toán cao cấp	4	
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
7	Pháp luật đại cương	2	
8	Tin học đại cương	3	
9	Tối ưu hóa	2	
10	Kinh tế quốc tế	2	
11	Quản trị học	2	
12	Kinh tế phát triển	2	
	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
13	Kinh tế vi mô I	3	
14	Kinh tế vĩ mô I	3	
	Các học phần tự chọn đại cương	6	

15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	SV ngành Kế toán chọn 2 môn: Nguyên lý kế toán và Lý thuyết tài chính – tiền tệ
	Marketing căn bản		
	Nguyên lý kế toán		
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
	Lý thuyết tài chính tiền tệ		
	Luật lao động		
	Kiến thức cơ sở ngành	12	
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
18	Marketing căn bản	3	
19	Luật kinh tế	3	
20	Hành vi tổ chức	3	Chọn 1 trong 3 môn
	Thị trường tài chính		
	Quản trị sản xuất		
	Kiến thức ngành	21	
21	Kế toán tài chính I	3	
22	Kế toán tài chính II	3	
23	Kế toán chi phí	3	
24	Kế toán quản trị	3	
25	Kiểm toán I	3	
26	Hệ thống thông tin kế toán I	3	
27	Hệ thống thông tin kế toán II	3	
	Kiến thức bổ trợ	14	
28	Quản trị tài chính	3	
29	Ngoại ngữ chuyên ngành	5	
30	Quản trị rủi ro	2	Chọn 1 trong 3 môn
	Nguyên lý thẩm định giá		
	Thanh toán quốc tế I		
31	Thuế I	2	

32	Nghệp vụ ngân hàng thương mại	2	SV ngành kế toán công chọn môn Tài chính công
	Tài chính công		
	Đầu tư tài chính		
	Kiến thức chuyên ngành	19	
33	Kế toán khu vực công I	3	
34	Kế toán khu vực công II	3	
35	Kế toán quản trị khu vực công	3	
36	Phân tích báo cáo tài chính khu vực công	2	
37	Kiểm toán nhà nước	2	
38	Luật ngân sách nhà nước	2	
39	Kế toán quốc tế	2	Chọn 1 trong 2 môn
	Kế toán công quốc tế		
40	Báo cáo ngoại khóa	2	
	Thực tập và tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	125	

Nguồn link:

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/ketoan/ketoancong.pdf>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG NGHỀ LÊN ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Dại học Mô - Địa chất		Tường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	Tường cao đẳng nghề Đà Nẵng	
	Tên học phần	Mã học phần	Tên học phần	Tên học phần	Giờ
I	Kiến thức giáo dục đại cương	TC	TC		
		21			
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	15			
1	Toán cao cấp 1	3	Tiếng Anh PET2	4	Chính trị
2	Xác suất thông kê	4010104	Toán cao cấp 2	2	Pháp luật
3	Pháp luật đại cương	4020103	Giáo dục quốc phòng 4 tuần (165 tiết)	2	Giáo dục thể chất
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201			Giáo dục quốc phòng
7	Giáo dục thể chất 4	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Tin học cơ bản
8	Giáo dục thể chất 5	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Anh văn cơ bản
9	Đường lối CM của ĐCSVN	4020301			
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)	6			
10	Toán cao cấp 2	4010114	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
11	Hoá học đại cương phần 1 + TN	4010301	Xã hội học	2	
12	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	Tâm lý học đại cương	2	
13	Tin học A + Thực hành	4080215			
14	Tiếng Anh KET 1	4010605			
15	Tiếng Anh KET 2	4010606			
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	10			
16	Kinh tế vĩ mô	4070102	Văn hóa kinh doanh	2	Kinh tế chính trị
17	Luật Kinh tế	4070107	Kinh tế lượng	3	Luật kinh tế
18	Marketing căn bản	4070205			Toán kinh tế
19	Lý thuyết tiền tệ	4070413			Soạn thảo văn bản
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	24			Anh văn chuyên ngành
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	14			Kinh tế vĩ mô
20	Kinh tế công nghiệp	4070303			Lý thuyết thông kê
21	Kinh tế lượng	4070103			Lý thuyết tài chính tiền tệ
22	Thị trường chứng khoán	4070414			Nguyên lý kế toán
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành	3			Kinh tế vĩ mô
23	Đồ án nguyên lý kế toán	4070402	Kế toán tài chính 1	2	Quản trị doanh nghiệp
24	Đồ án kế toán tài chính	4070405	Đồ án môn học kế toán tài chính	2	Thông kê doanh nghiệp

25	Đồ án môn kế toán quản trị	4070408	1	Kế toán tổng hợp	3	Thuế	60
				Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp	2	Tài chính doanh nghiệp	120
				Kiểm toán căn bản	3	Kế toán DNSX 1	120
				Quản trị doanh nghiệp	3	Kế toán DNSX 2	240
III.1.3	Kiến thức chuyên sâu		3			Phân tích hoạt động kinh doanh	60
III.1.3.1	Chuyên sâu về KT doanh nghiệp công nghiệp		3	Không phân chia chuyên sâu hơn		Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	75
26	Kế toán chi phí sản xuất	4070421	3			Kế toán quản trị	60
III.1.3.2	Chuyên sâu về KT doanh nghiệp thương mại dịch vụ		3			Kiểm toán	60
27	Kế toán thương mại dịch vụ	4070423	3			Tin học kế toán	60
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 4TC)	4070105	4		6	Quản trị học	45
28	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	4070105	2			Marketing	45
29	Mô hình toán kinh tế	4070108	2			Kinh tế phát triển	45
30	Kinh doanh quốc tế	4070109	2			Kế toán DN XL-TM-DV	90
31	Tin học ứng dụng trong kinh tế	4070111	2			Lập và phân tích dự án	60
32	Thông kê kinh tế doanh nghiệp	4070113	2			Kê khai và quyết toán thuế	30
33	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4070114	2			Kế toán DN vừa và nhỏ	45
34	Tâm lý học quản trị kinh doanh	4070215	2			Kế toán máy	90
35	Quản trị chiến lược	4070217	2			Kế toán ngân hàng	45
36	Kinh tế môi trường	4070305	2			Thị trường chứng khoán	45
37	Kinh tế phát triển	4070313	2				
38	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	4070316	2			Kinh tế quốc tế	45
39	Quản trị sản xuất	4070330	2				
40	Quản trị dự án đầu tư	4070331	2				
41	Quản trị nhân lực	4070329	2				
42	Thị trường chứng khoán	4070414	2				
43	Quản trị thương mại	4070314	2				
44	Kế toán quốc tế**						
45	Kế toán hành chính sự nghiệp**						
46	Kế toán thuế **						
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (6TC)		6				

47	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	4010403	2			
48	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	4010603	2			
49	Tâm lý học đại cương	4010604	2			
50	Tiếng Việt thực hành	4010605	2			
51	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4010606	2			
52	Lịch sử Triết học	4010608	2			
53	Autocad	4010403	2			
54	Tiếng Nga 1	4030114	2			
55	Tiếng Nga 2	4030222	2			
56	Tiếng Trung 1	4030422	2			
57	Tiếng Trung 2	4040101	2			
58	Cơ sở khai thác lộ thiên	4040110	2			
59	Cơ sở khai thác hầm lò	4040517	2			
60	Cơ sở tuyển khoáng	4050203	2			
61	Địa chất đại cương	4050302	3			
62	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	4050509	3			
63	Trắc địa đại cương	4070304	2			
64	Địa vật lý đại cương	4070331	2			
65	Cơ sở học hóa dầu	4070401	2			
66	Kỹ thuật dầu khí đại cương	4080153	2			
67	Thiết kế Website	4080153	2			
68	Môi trường và phát triển bền vững	4110114	2			
IV	Thực tập tốt nghiệp		3			
				Thực tập nghiệp vụ	2	Thực hành kế toán DN 1
						Thực hành kế toán DN 2
						Thực hành kế toán DN 3
						Thực hành kế toán DN 4
69	Thực tập tốt nghiệp	4070417	3	Thực tập tốt nghiệp	4	Thực tập tốt nghiệp
V	Đồ án tốt nghiệp		7			
70	Khoá luận tốt nghiệp	4070418	7	Khoá luận tốt nghiệp	8	
	Tổng cộng		65		52	3775

BỘ MÔN

KHOA

Đu Thị Thu Thủy

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lạc

NGÀNH

QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 52.34.01.01

GỒM CÁC CHUYÊN NGÀNH

TT	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành
1	Quản trị doanh nghiệp vận tải	52.34.01.01.01
2	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	52.34.01.01.02
3	Quản trị doanh nghiệp bưu chính viễn thông	52.34.01.01.03
4	Quản trị kinh doanh logistic	52.34.01.01.04

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH

THUỘC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 kỳ)
- Tổng số tín chỉ: 142 tín chỉ
- Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	41	2	43	30,28
2	Cơ sở ngành và chuyên môn ngành	42	15	57	40,14
3	Chuyên ngành	38	4	42	29,58
4	Tổng	121	21	142	100

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Giáo dục đại cương

43 tín chỉ (30,38 %)
- 1.1. Cơ bản

20 tín chỉ
- 1.1.1. Các môn học bắt buộc:

18 tín chỉ

4	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3
	Hành vi khách hàng	
5	Quản trị văn phòng	2
	Đàm phán trong kinh doanh	
6	Nghiên cứu Marketing	2
	Đạo đức kinh doanh	

3. Chuyên ngành

3.1. Chuyên ngành *QTDN Vận Tải* 41 tín chỉ (28.78%)

3.1.1. Bắt buộc 39 tín chỉ

1	Kinh tế vận tải	3
2	Tổ chức vận tải	3
3	Quản trị dự án trong doanh nghiệp vận tải	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp vận tải	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp vận tải	2
6	Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải	3
7	Thống kê trong doanh nghiệp vận tải	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp vận tải	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.1.2 Tự chọn 2 tín chỉ

1	a- Quản trị thương hiệu	2
	b- Dự báo trong kinh doanh	

3.2 Chuyên ngành *QTDN XD* 41 tín chỉ (28.78%)

3.2.1. Bắt buộc 39 tín chỉ

1	Kinh tế xây dựng	3
2	Tổ chức điều hành sản xuất	3
3	Quản trị dự án xây dựng công trình giao thông	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp xây dựng	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	2
6	Thống kê trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
7	Quản trị chất lượng sản phẩm xây dựng giao thông	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.2.2 Tự chọn 2 tín chỉ

1	a. Quản trị thương hiệu	2
	b. Dự báo trong kinh doanh	

3.3 Chuyên ngành: *Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông* 41 tín chỉ (28.78%)

TT	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ	
	Bắt buộc	37	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐÀ NẴNG

Cao đẳng nghề Kế toán doanh nghiệp

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành		Kiểm tra
				Thực hành	Bài tập	
I	Các môn học chung	450	220	200	0	30
MH01	Chính trị	90	60	24		6
MH02	Pháp luật	30	21	7		2
MH03	Giáo dục thể chất	60	4	52		4
MH04	Giáo dục quốc phòng	75	58	13		4
MH05	Tin học cơ bản	75	17	54		4
MH06	Anh văn cơ bản	120	60	50		10
II	Các môn học đào tạo nghề bắt buộc	2740	900	1564	170	106
II.1	Các môn học cơ sở	615	385	191	0	39
MH07	Kinh tế chính trị	90	60	25		5
MH08	Luật kinh tế	30	20	8		2
MH09	Toán kinh tế	60	40	16		4
MH10	Soạn thảo văn bản	45	30	12		3
MH11	Anh văn chuyên ngành	60	40	16		4
MH12	Kinh tế vi mô	60	40	16		4
MH13	Lý thuyết thống kê	45	30	12		3
MH14	Lý thuyết tài chính tiền tệ	75	50	20		5
MH15	Nguyên lý kế toán	90	45	40		5
MH16	Kinh tế vĩ mô	60	30	26		4
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	2125	515	1373	170	67
MH17	Quản trị doanh nghiệp	60	40	16		4
MH18	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26		4
MH19	Thuế	60	30	26		4
MH20	Tài chính doanh nghiệp	120	70	44		6
MH21	Kế toán DNSX 1	120	60	55		5
MH22	Kế toán DNSX 2	240	120	110		10

MH23	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	26		4
MH24	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	75	30	40		5
MH25	Kế toán quản trị	60	30	26		4
MH26	Kiểm toán	60	30	26		4
MH27	Tin học kế toán	60	25	31		4
MH28	Thực hành kế toán DN 1	150	20	76	50	4
MH29	Thực hành kế toán DN 2	120		77	40	3
MH30	Thực hành kế toán DN 3	120		77	40	3
MH31	Thực hành kế toán DN 4	120		77	40	3
MH32	Thực tập tốt nghiệp	640		640		
III	Các môn học tự chọn	585	290	258	0	37
MH33	Quản trị học	45	25	17		3
MH34	Marketing	45	25	17		3
MH 35	Kinh tế phát triển	45	25	17		3
MH 36	Kế toán DN XL-TM-DV	90	45	40		5
MH37	Lập và phân tích dự án	60	30	26		4
MH38	Kê khai quyết toán thuế	30		28		2
MH39	Kế toán DN vừa và nhỏ	45	30	12		3
MH40	Kế toán máy	90	30	55		5
MH41	Kế toán ngân hàng	45	30	12		3
MH42	Thị trường chứng khoán	45	25	17		3
MH43	Kinh tế quốc tế	45	25	17		3
Tổng cộng		3775	1410	2022	170	173

*** Thi tốt nghiệp.**

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	-Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	120 phút
	-Thực hành nghề	Bài thi thực hành	8h

Nguồn link:

http://danavtc.edu.vn/images/stories/Chuong_trinh_khung/Cao_ng_ngh_K_ton_doanh_nghiep.htm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC

1. Chuyên ngành: Lọc - Hóa dầu

Hà Nội, năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT HÓA HỌC VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Đại học Mỏ - Địa chất		Mã học phần	TC	Chương trình khung Bộ GD&ĐT		DH Bách Khoa Hà Nội		DH Quốc gia TP. HCM- DH Bách Khoa		Trường DH UC Davis, Mỹ		Điều chỉnh	
	Tên học phần				Tên học phần	DVHT	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương		49				Giáo dục đại cương	48	Giáo dục đại cương					
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		43											
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin		2	CN Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh	22	Những NLCB của CN Mác- Lenin I	2	Nguyên lý cơ bản CHỦ NGHĨA Mác- L.ênin	5	Chemical Engineering Profession	1			
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin		3			Những NLCB của CN Mác- Lenin II	3	Pháp luật VN đại cương		United State as a Business Culture	3			
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam		3			Đường lối CM của Đảng Cộng sản	3	Đường lối CM của Đảng Cộng sản	3	Management	3			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2			Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Animal Biology	4			
5	Tiếng Anh 1		3	Ngoại ngữ	10	Tiếng Anh TOEIC 1	3	Anh văn 1	2	English	4			
6	Tiếng Anh 2		3			Tiếng Anh TOEIC 2	3	Anh văn 2	2	English	2			
7	Giáo dục thể chất		1	Giáo dục thể chất	3	Giáo dục thể chất A	1	Giáo dục thể chất 1	0					

8	Giáo dục thể chất	10702	1			Giáo dục thể chất B	1	Giáo dục thể chất 2	0				
9	Giáo dục thể chất	10703	1			Giáo dục thể chất C	1	Giáo dục thể chất 3	0	Vector Analysis	4		
10	Giáo dục thể chất	10704	1			Giáo dục thể chất D	1	Anh văn 3	2	Linear Algebra	3		
11	Giáo dục thể chất	10705	1			Giáo dục thể chất E	1	Anh văn 4	2	Differential Equations	3		
12	Đại số	10101	3	Đại số	4	Đại số	4	Đại số	3	Calculus	4		
13	Giải tích 1	10102	4	Giải tích 1	6	Giải tích 1	4	Giải tích 1	4	Calculus	4		
14	Giải tích 2	10103	3	Giải tích 2	5	Giải tích 2	3	Giải tích 2	4	Calculus	4		
15	Vật lý 1 + TN	10202	³ (2+1)	Vật lý 1	4	Vật lý 1	3	Vật lý 1	4	Classical Physics	5		
16	Vật lý 2 + TN	10207	³ (2+1)	Vật lý 2	3	Vật lý 2	3	Vật lý 2	4	Classical Physics	5		
17	Hóa học đại cương + TN	10301	³ (2+1)	Hóa học đại cương	3	Quản trị học đại cương	2	Hóa học đại cương	3	Classical Physics	5		
18	Tin học đại cương	80201	3	Tin học đại cương	4	Tin học đại cương	4	Tin học đại cương	3	Chemistry	5		
19						Giải tích 3	3	TN Hóa học đại cương	1	Chemistry	5		
1.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn		6			Bổ sung toán và khoa học cơ bản	6			Chemistry	5		

20	Hoá phân tích 2	10306	2			Hóa học đại cương	3	Chứng chỉ DG QP (4 tuần)					
21	Xác suất thống kê	10105	2			Xác suất thống kê và Quy hoạch thực nghiệm	3	Kỹ năng giao tiếp ngành nghề	2				
22	Phương pháp tính	10106	2					Môi trường và con người	2				
23	Tính chất vật liệu trong công nghệ Hóa học	60344	2					Thiết kế và phân tích dữ liệu	2				
24	Nhiên liệu sạch	60345	2								Chemical Engineering & Materials Science	4	
25	Phương pháp số trong CN Hóa học	60346	2										
26	Phân tích trong công nghệ Hóa học	60347	2								Chemical Engineering Analysis	4	
27	Quy hoạch thực nghiệm	60314	2										
	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		32			Cơ sở và cốt lõi ngành	49						
28	Hóa học đại cương 2	10302	2		Hóa học đại cương	Nhập môn Kỹ thuật Hóa học	3						
29	Cơ lý thuyết	10503	2		Cơ lý thuyết								
30	Sức bền vật liệu	30505	2		Cơ ứng dụng			Cơ ứng dụng	3				
31	Kỹ thuật điện	90301	3		Kỹ thuật điện			Kỹ thuật điện	2				

32	Kỹ thuật điện tử	90302	3	Kỹ thuật điện tử	4							
33	Vật liệu học đại cương	60301	2	Vật liệu học đại cương	3				Properties of Materials	4		
34	Hình học họa hình	10401	2	Linh họa, vẽ kỹ thuật	6	Đồ họa kỹ thuật cơ bản	3	Vẽ kỹ thuật	3			
35	Vẽ kỹ thuật	10402	2			Thí nghiệm Hóa phân tích	1	Thí nghiệm hóa phân tích	2			
36	Hoá phân tích	10305	2	Hóa phân tích	7	Hóa phân tích	2	Hóa phân tích	2			
37	Hoá vô cơ	10303	2	Hóa vô cơ	7	Hóa vô cơ	3	Hóa vô cơ	2			
38	Hoá lý	10308	4	Hóa lý	12	Hóa lý 1	2	Hóa lý 1	2	Physical Chemistry	4	
39	Hoá hữu cơ 1	60302	2	Hóa Hữu cơ	8	Hóa Hữu cơ	4	Hóa hữu cơ A	3	Organic Chemistry	3	
40	Hoá hữu cơ 2	60303	2			Thí nghiệm hóa Vô cơ	1	Thí nghiệm hóa Vô cơ	2	Organic Chemistry	3	
41	Thí nghiệm Hóa hữu cơ	60334	2			Thí nghiệm Hóa Hữu cơ	1	Thí nghiệm Hóa hữu cơ A	2	Organic Chemistry Laboratory	2	
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		68			Hóa lý 2	3	Hóa lý 2	2			
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		52			Thí nghiệm Hóa lý 1	1	Thí nghiệm hóa lý				
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		20			Thí nghiệm Hóa lý 2	1					

42	Công nghệ sinh học đại cương	60304	2	Công nghệ sinh học đại cương	3	Quá trình và Thiết bị CN hóa học 1 (Các QT thủy lực và thủy cơ)	3	Sinh học đại cương	2	Biomolecules	3		
43	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	60305	2	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	4	Quá trình và Thiết bị CN hóa học (Các QT Nhiệt)	2	Các quá trình cơ học A	3	Transport Phenomena (Fluids)	4		
44	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	60306	2	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	3	Quá trình và Thiết bị CN hóa học 3 (Các QT Nhiệt)	3	Truyền nhiệt A	3	Transport Phenomena (Heat)	4		
45	Quá trình và thiết bị truyền chất	60307	2	Quá trình và thiết bị truyền chất	4	Quá trình và Thiết bị CN hóa học 3 (Các QT chuyển khối)	3	Truyền khối A	3	Transport Phenomena (Mass)	4		
46	Kỹ thuật phản ứng	60308	2	Kỹ thuật phản ứng	3	Cơ khí ứng dụng	3	Kỹ thuật phản ứng	2	Material Balance	4		
47	Thí nghiệm quá trình và thiết bị công nghệ hoá học	60309	1	Thí nghiệm quá trình và TB CN Hóa học	2	Thí nghiệm QTTB 1	1	TN QT và TB	2	Chemical Engineering Laboratory	4		
48	Kỹ thuật đo và điều khiển quá trình	60310	2	Kỹ thuật đo và điều khiển quá trình	3	Mô phỏng trong CNHH	3	Mô phỏng và tối ưu hóa	3	Chemical Engineering Laboratory	4		
49	Kỹ thuật môi trường	60311	2	Kỹ thuật môi trường	2	Phương pháp số trong CNHH	2	Lập và phân tích dự án	2				
50	Đồ án quá trình và thiết bị công nghệ hoá học	60312	1	Đồ án QT và TB Công nghệ Hóa học	2	Đồ án QTTB	2	Cơ sở thiết kế máy và thiết bị hóa học	2				
51	Các phương pháp phân tích dụng cụ	60313	2	Các phương pháp phân tích dụng cụ	4	Phương pháp Phân tích bằng công cụ	2						
52	Mô hình hoá	90213	2			Thí nghiệm QTTB 2	1	Thực tập Quá trình và thiết bị	2	Process Control	4		
						Thực tập kỹ thuật (thực hiện 4 tuần từ trình độ năm thứ 3)	2	Thực tập nhận thức	2				
						Tự chọn tự do	10	Môn tự chọn cơ sở ngành	11				

				Kỹ thuật điện	3	Kỹ thuật điện tử	2				
				Kỹ thuật điện	2	Hóa học xanh	2				
				Kỹ thuật nhiệt	3	Hóa học thực phẩm	2				
				Kỹ thuật điện tử	3	Hóa sinh	2				
				Kỹ thuật Hóa học đại cương	3	Kỹ thuật môi trường	2				
				Hóa học phức chất	2	Cơ sở chuyển đổi kích thước	2				
				Xây dựng công nghiệp	2	Kỹ thuật đường ống bể chứa	2				
				Công nghệ sinh học đại cương	2	Hóa học và KT các chất HD bề mặt	2				
				Kỹ thuật bảo vệ môi trường CN	2	Hóa keo	2				
				Môi trường và con người	2	Phương pháp số trong CNHH	2				
				Cơ khí đại cương	2	Cơ sở hóa học polyme	2				
				Vật liệu học đại cương	2	Vật liệu học	2				
				Tiếng Anh chuyên ngành CN Hóa Sinh	2	Cần bằng vật chất và cần bằng năng lượng	2				

					Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2	Các phương pháp phân tích hiện đại	2		
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		26		Chuyên ngành CN Hữu cơ- Hóa dầu	52	Kỹ thuật xúc tác	2		
53	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	60315	2		Hóa học dầu mỏ và khí	2	Điều khiển quá trình	2		
54	Hóa học các hợp chất polyme	60316	2		Động học xúc tác	2	Kiến thức chuyên ngành			
55	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	60317	2		Thiết bị tổng hợp hữu cơ hóa dầu	2				
56	Công nghệ lọc dầu	60318	3		Công nghệ chế biến dầu	3				
57	Tiếng Anh chuyên ngành	60319	2				Anh văn kỹ thuật	2		
58	Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia	60320	2		Các sản phẩm dầu mỏ	2				
59	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	60321	2				An toàn quá trình	2		
60	Công nghệ chế biến khí	60322	3		Công nghệ chế biến khí	2				
61	Công nghệ hoá dầu và chế biến polyme	60323	3		Công nghệ tổng hợp Hữu cơ- Hóa dầu	2				
62	Tin chuyên ngành I,II,III	60324	2				Ứng dụng tin học trong CNTT	3		
63	ĐA công nghệ lọc dầu	4060341	1		Đồ án chuyên ngành	2	Đồ án QT và thiết bị			

64	ĐA công nghệ hóa dầu và chế biến polyme	4060343	1		Nhiên liệu sạch	2					
65	ĐA công nghệ chế biến khí	4060342	1		Công nghệ tổng hợp hợp chất trung gian	2					
III.1.3	Kiến thức chuyên sâu		6		Nhiên liệu rắn	2			Chemical Kinetics and Reaction Engineering	5	
III.1.3	Hướng chuyên sâu về CN Lọc dầu		6		Hóa học và sản phẩm dầu	2					
66	Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu	60325	2		Công nghệ chế biến dầu và khí	2					
67	Xúc tác trong công nghệ lọc dầu	60326	2		Thí nghiệm chuyên ngành	3					
68	Động học và Nhiệt động học trong công nghệ hóa học	60327	2		Đồ án chuyên ngành kỹ sư Hóa dầu	2	Cơ sở thiết kế nhà máy	2	Nhiệt động học 1	3	
III.1.3	Hướng chuyên sâu về CN Hoá dầu		6						Nhiệt động học 2	4	
69	Thiết kế quá trình công nghệ hoá dầu	60328	2						Design	4	
70	Xúc tác trong công nghệ hoá dầu	60329	2						Design	4	
71	Động học và Nhiệt động học trong công nghệ hóa học	60327	2						Design	4	
III.1.3	Hướng chuyên sâu về CN Khí		6								
72	Thiết kế quá trình công nghệ khí	60331	2								

73	Xúc tác & hấp phụ trong công nghệ khí	60344	2										
74	Động học và Nhiệt động học trong công nghệ hóa học	60327	2										
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa	4070105	8				Tự chọn (Chọn 8TC trong gói tự chọn A)	8	Môn tự chọn chuyên ngành	14			
75	Thu gom, xử lý, vận chuyển và tàng trữ dầu khí	60412	2				Phụ gia sản phẩm dầu mỏ	2	Công nghệ lọc dầu	2	Chemical Kinetics and Reaction Engineering	5	
76	Địa chất Việt Nam và thế giới		2				Thiết bị nhà máy lọc dầu	2	Công nghệ hóa dầu	2	Physical Chemistry	4	
77	Khoan-khai thác đại cương		2				Đường ống bể chứa	2	Công nghệ chế biến khí	2	Instrumental Analysis and Magnetic Properties	4	
78	Quy hoạch thực nghiệm	60314	2				Hóa học, hóa lý polyme	2	KT chung các phân đoạn	2	Magnetic Properties and Magnetic Properties Laboratory	4	
79	Khí trong công nghiệp	60332	2				Tiếng Anh dành cho sinh viên Hóa dầu	2	Xúc tác CN trong chế biến dầu khí	2		2	
80	Hoá lý- hoá keo	10307	2				Hóa học polyme phân hủy sinh học	2	Thiết bị trong CN chế biến dầu khí	2	Fundamentals of Biomaterials	3	
81	Hoá vô cơ 2	10304	2				Hóa học polyme y sinh	2	Các sản phẩm dầu khí	2	Biochemical Engineering Fundamentals Rheology and Polymer Processing	4	
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (6TC)		8				Hóa học polyme silicon	2	Nhiên liệu sinh học và tái tạo	2	Principles of Polymer Materials Science	3	
82	Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp	70304	2				Công nghệ hóa học polyme blend	2	Vận hành và tối ưu hóa nhà máy lọc dầu	2	Principles of Polymer Materials Science	3	
83	Autocad	10403	2				Nâng cao tính năng in ấn của giấy	2	ITN chuyên đề dầu khí	2	Principles of Polymer Materials Science	3	

[illegible]

97	Hệ thống định vị vệ tính (GPS)	50203	2							
98	Cơ sở viễn thám	50302	2							
99	Địa chất đại cương	40101	3							
100	Trắc địa phổ thông + TT	50410	3							
101	Địa vật lý đại cương	60101	2							
102	Cơ sở khai thác hầm lò	30222	2							
103	Cơ sở khai thác lộ thiên	30113	2							
104	Kỹ thuật dầu khí đại cương	60402	2							
105	Cơ sở địa chất thủy văn Địa chất công trình	40616	3							
106	Cơ sở tuyến khoáng	30427	3							
107	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.		2							
108	khoa học và xử lý tình huống trong nghiên cứu và sản xuất.		2							
IV	Thực tập tốt nghiệp		7			Thực tập cuối khóa	3	Thực tập tốt nghiệp	3	

109	Thực tập sản xuất	60335	3									
110	Thực tập tốt nghiệp	60336	4									
V	Đồ án tốt nghiệp		7		Đồ án tốt nghiệp	9	Luận văn tốt nghiệp	10				
111	Đồ án tốt nghiệp	60337	7									
	Tổng cộng		163			161		156		209		

BỘ MÔN

KHOA

24/12

Lu

PGS.TS. Nguyễn Đình Dũng

TS. Nguyễn Thế Vinh

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

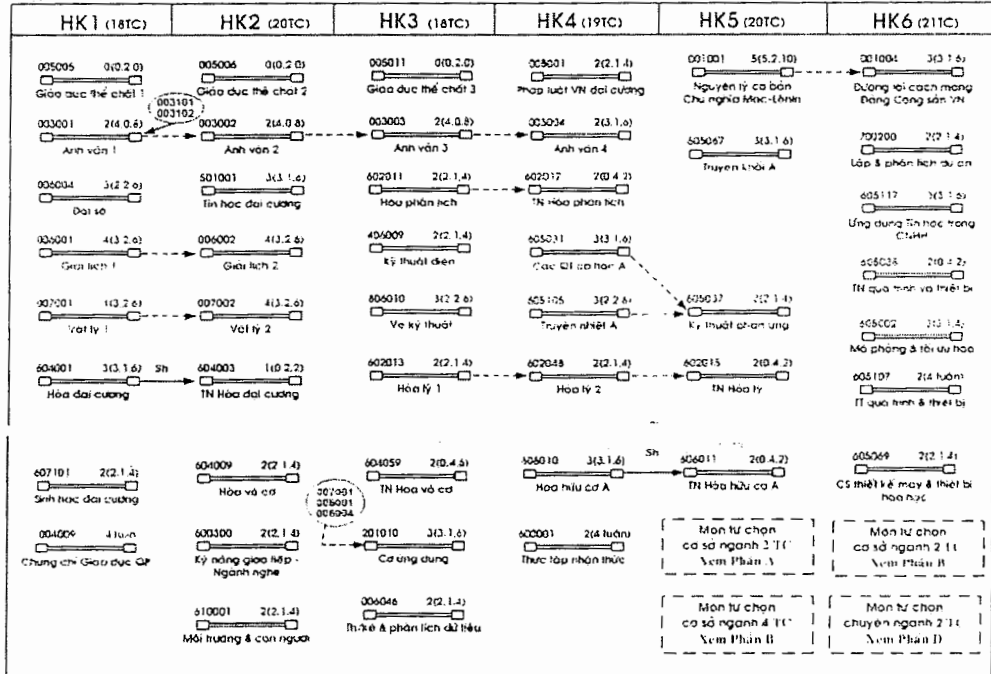
PGS.TS. Nguyễn Đình Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

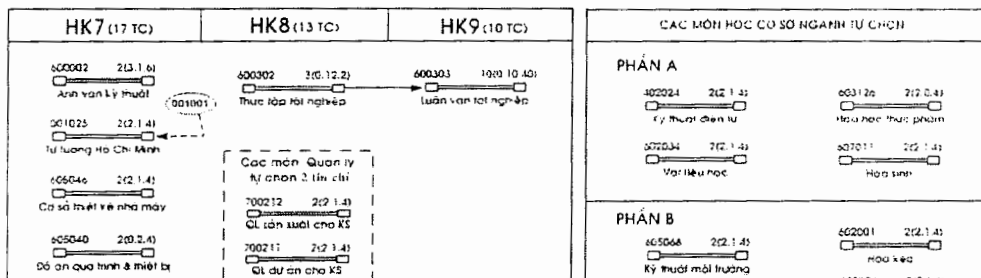
Ngành Kỹ thuật Hóa học

http://www.aao.hcmut.edu.vn/index.php?route=catalog/nganh&hedaotao_id=9&khoa_id=14

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT HÓA HỌC K2013 (156 TC)



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT HÓA HỌC K2013 (156 TC)



601002 2(2.1.4) An toàn giao thông	700213 2(2.1.4) Quản lý & doanh nghiệp KS	605003 2(2.1.4) Cơ sở chuyển đổi kích thước	605004 2(2.1.4) PP và năng CN hóa học
Môn tự chọn của ngành 3 TC Vn-Phần C		601009 2(2.1.4) Kỹ thuật dương ứng bề thấm	601008 2(2.1.4) Cơ sở kỹ thuật polymer
Môn tự chọn chuyên ngành 4 TC Vn-Phần D	Môn tự chọn chuyên ngành 5 TC Vn-Phần D	605042 2(2.1.4) HN và KT các chất hoạt dạng bề mặt	605001 2G 1.4) Hóa học xanh
			601010 2(2.1.4) Cân bằng vật chất & cân bằng năng lượng
PHẦN C			
		602002 3(3.1.6) Các phương pháp phân tích hiện đại	602003 3(3.1.6) Kỹ thuật sức lực
			603116 3(3.1.6) Điều khiển quá trình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT HÓA HỌC K2013 (156 TC)

PHẦN D

CN Hóa hữu cơ	Hóa dầu	Quá trình & thiết bị	Hóa lý	CN Hóa vô cơ
606006 2(2.1.4) CN hóa mỹ phẩm 606027 2(2.1.4) CN các SP tẩy rửa 606044 2(2.1.4) Kỹ thuật nhuộm in 606046 2(2.1.4)	601003 2(2.1.4) Công nghệ lọc dầu 601012 2(2.1.4) Công nghệ hóa dầu 601004 2(2.1.4) CN chế biến khí	605061 2(2.1.4) KT chung cốt lõi cấu trúc 605063 2(2.1.4) Kỹ thuật lọc 605062 2(2.1.4) KT phân ứng di thể	602004 2(2.1.4) Hóa học bề mặt 602005 2(2.1.4) Điện hóa chất rắn & pin nhiên liệu 602006 2(2.1.4) Vật liệu nano 602035 2(2.1.4)	604011 2(2.1.4) Công nghệ sản xuất các chất vô cơ 604036 2(2.1.4) Giàn đo pho 604101 2(2.1.4) TN chuyên ngành
606027 2(2.1.4) CN các SP tẩy rửa 606044 2(2.1.4) Kỹ thuật nhuộm in 606046 2(2.1.4) KT SX cellulose & giấy 606004 2(2.1.4) Ca sulfate hóa học được 606002 2(2.1.4) Hóa di trong công nghiệp hóa dầu 606112 2(2.1.4) Các PPXD cấu trúc hợp chất HC 606006 2(2.1.4) CN chất màu tự nhiên 606007 2(2.1.4) HN các SP không oxy hóa tự nhiên 606008 2(2.1.4) Các PPPL & lĩnh chế hợp chất HC 606025 2(2.1.4) CN hóa hương liệu 606009 2(2.1.4) DANH chuyên ngành 606113 2(2.1.4) Công nghệ thuốc da	601003 2(2.1.4) Công nghệ lọc dầu 601012 2(2.1.4) Công nghệ hóa dầu 601004 2(2.1.4) CN chế biến khí 605007 2(2.1.4) KT chung cốt lõi phân đoạn 601016 2(2.1.4) Xúc tác công nghệ trong chế biến dầu lửa 601017 2(2.1.4) Thiết bị trong công nghệ chế biến dầu lửa 601006 2(2.1.4) Các sản phẩm dầu khí 601018 2(2.1.4) Nhiên liệu sinh học và tái lao 601019 2(2.1.4) Vận hành & tối ưu hóa nhà máy lọc dầu 601001 2(0.4.2) TN chuyên về dầu khí 601020 2(0.7.4) DANH chuyên ngành	605105 KT chung cốt lõi cấu trúc 605063 2(2.1.4) Kỹ thuật lọc 605062 2(2.1.4) KT phân ứng di thể 605116 2(0.4.4) TN chuyên ngành 605109 2(0.7.4) DANH chuyên ngành 605066 2(2.1.4) Kỹ thuật chuyển vận 605064 2(2.1.4) Cơ học lưu chất phi Newton 605066 2(2.1.4) Kỹ thuật chân không 605035 2(2.1.4) XL chất thải công nghiệp 603006 2(2.0.4) CN sau thu hoạch 603138 2(2.1.4) CN bảo vệ và đóng gói	Hóa học bề mặt 602005 2(2.1.4) Điện hóa chất rắn & pin nhiên liệu 602006 2(2.1.4) Vật liệu nano 602035 2(2.1.4) Kỹ thuật điện hóa 602031 2(2.1.4) Hóa học chất rắn & IJD 602030 2(2.1.4) An toàn & bảo vệ vật liệu 602103 2(2.1.4) Bức xạ & ứng dụng 602104 2(2.1.4) Hóa lý chuyên ngành 602045 2(0.4.4) Thí nghiệm điện hóa 602035 2(2.1.4) Phân tích kỹ thuật 602048 2(2.1.4) Xác thực ứng dụng 602045 2(0.4.2) TN kỹ thuật sức lực 602029 2(2.1.4) Các PP phân tích hóa lý 602106 2(0.4.2) TN Các PP phân tích hóa lý	Công nghệ sản xuất các chất vô cơ 604036 2(2.1.4) Giàn đo pho 604101 2(2.1.4) TN chuyên ngành 604016 2(2.1.4) CN xử lý khoáng sản 604102 2(2.1.4) CN sản xuất chất màu vô cơ 604004 2(2.1.4) Các PP vật lý nghiên cứu chất rắn 604019 2(2.1.4) Hóa lý chất 604006 2(0.2.4) DANH chuyên ngành 604023 2(2.1.4) KTXL bảo thủ quang Boualite

Required Courses for Chemical Engineering Degree – 2017-18

This program is accredited by the Engineering Accreditation Commission of ABET. <http://www.abet.org>

Undergraduate Advising: Eugenia Luu (3005 Ghausi Hall) and
Megan Heynen (3001B Ghausi Hall)
Email: echugadvising@ucdavis.edu

To make advising appointments, please visit: appointments.ucdavis.edu

Note: Curriculum and course offerings are subject to change. You must fulfill the degree requirements stated in the catalog of the year you graduate or the year immediately prior. For additional detail on courses, please visit the course supplement located at <http://catalog.ucdavis.edu/index.html>

Writing and General Education Requirements

Lower Division Composition (4 units)

Select ONE of the following courses:

☐	UWP 1, IV, or 1Y	Expository Writing
☐	ENL 3	Introduction to Literature
☐	COM 1	Bks of West Civ /Ancient World
☐	COM 2	Bks of West Civ/MidAge-Enligh.
☐	COM 3	Bks of West Civ/Modern Crisis
☐	COM 4	Bks of Contemporary World
☐	NAS 5	Intro to Native American Lit.

Course must be completed with a C- or better.

Upper Division Composition (0 or 4 units)

Select ONE of the following courses:

☐	UWP 102E or 102F	Writing in the Disciplines
☐	UWP 104A, 104E, or 104T	Writing in the Professions

Course must be completed with a C- or better.

Alternatively, you may satisfy the upper division English requirement by passing the Upper Division Composition Exam

General Education Requirement: This requirement will vary depending on the year you entered UC Davis. Please refer to your specific GE Requirements

Lower Division Major Requirements

Math, Physics, Chemistry and Biology (57 units)

Course Number	Description	Units	Qrt Offered			Prerequisites
☐ MAT 21A	Calculus	4	F	W	S	Score of 35 or more on Mathematics Placement test
☐ MAT 21B	Calculus	4	F	W	S	MAT 21A or 21AH
☐ MAT 21C	Calculus	4	F	W	S	MAT 21B or 21BH
☐ MAT 21D	Vector Analysis	4	F	W	S	MAT 21C or 21CH
☐ MAT 22A	Linear Algebra	3	F	W	S	9 units of college math: ENG 6, or MAT 22AL [Ⓢ] , or experience on MATLAB
☐ MAT 22B	Differential Equations	3	F	W	S	MAT 22A or MAT 67 with a C- or above
☐ PHY 9A	Classical Physics	5	F		S	MAT 21B
☐ PHY 9B	Classical Physics	5	F	W		PHY 9A, MAT 21C, MAT 21D [Ⓢ]
☐ PHY 9C	Classical Physics	5		W	S	PHY 9B, MAT 21D, MAT 22A [Ⓢ]
☐ CHE 2A	General Chemistry	5	F	W		Score of 24 or more on Chemistry Placement test
☐ CHE 2B	General Chemistry	5		W	S	C- or better in CHE 2A or 2AH
☐ CHE 2C	General Chemistry	5	F		S	C- or better in CHE 2B or 2BH
☐ BIS 2A or BIT 1Y	Introductory Biology Intro to Biotechnology	5 4	F	W	S	None None

Engineering (16 units)

☐ ECH 5	BioChem/Materials Analysis	3		W		MAT 21A, MAT 21B [Ⓢ]
☐ ECH 60	Computational Methods	4			S	MAT 21C
☐ ECH 51	Material Balances	4	F			C- or better in MAT 21C; MAT 21D [Ⓢ]
☐ ECH 80	Chemical Engineering Professionalism (SS GE3 credit)	4	F			None

Engineering Continued...Choose one of the following (4 units)

☐ ENG 45 or ENG 45Y	Properties of Materials	4	F	W	S SS	C- or better in all of the following: MAT 21C, CHE 2A, PHY 9A, ENG 45Y is an online course only offered in Summer Session (same prerequisites as ENG 45)
☐ ENG 17	Circuits I	4	F		S	MAT 22A (C- or better recommended); MAT 22B [Ⓢ] (C- or better recommended); PHY 9C or PHY 9HD [Ⓢ]
☐ ENG 35	Statics	4	F	W	S	C- or better in PHY 9A; C- or better in MAT 21D [Ⓢ]

Upper Division Major Requirements

Chemistry (16 units)

Course Number	Description	Units	Qrt Offered		Prerequisites
CHE 128A	Organic Chemistry	3	F	W	C or better in CHE 2C
CHE 129A	Organic Chemistry	2	F	W	C or better in CHE 2C; CHE 128A ☉
CHE 128B	Organic Chemistry	3		W	S CHE 128A or ☐, 129A recommended
CHE 110A	Quantum Mechanics	4	F		S CHE 2C, MAT 21C, 1 yr college physics
CHE 110B	Atoms and Molecules	4	F	W	CHE 110A

Engineering core courses (56 units)

Course Number	Description	Units	Qrt Offered		Prerequisites
ECH 140	Mathematical Methods	4	F		MAT 22B; ECH 60 or equivalent
ECH 141	Fluid Mechanics	4		W	ECH 140, ECH 51
ECH 142	Heat Transfer	4		S	C- or better in ECH 51; ECH 141
ECH 143	Mass Transfer	4		S	C- or better in ECH 51; ECH 141
ECH 145A	Chemical Engineering Thermodynamics Lab	3		W	ECH 152A, ECH 152B ☉
ECH 145B	Chemical Engineering Transport Lab	3		S	ECH 141, ECH 145A
ECH 148A	Chemical Kinetics and Reaction Engineering	3	F		ECH 143, ECH 152B
					No credit given for students who have taken ECH 146
ECH 148B	Chemical Kinetics and Reaction Engineering	4		W	ECH 148A
					No credit given for students who have taken ECH 146
ECH 152A	Thermodynamics	3	F		ECH 60 ☉
ECH 152B	Thermodynamics	4		W	ECH 152A, no credit given for students who have taken ENG 105
ECH 155	Chemical Engineering Kinetics and Reactor Design Lab	4		W	S ECH 145B, ECH 148A, ECH 148B ☉, ECH 157☉; satisfaction of the upper division English composition requirement
ECH 157	Process Dynamics	4	F		ECH 140
ECH 158A	Process Economics and Green Design (SS GE3 credit)	4	F		ECH 142, ECH 143
ECH 158B	Separations and Unit Operations	4		W	ECH 158A
ECH 158C	Plant Design Project (SS GE3 credit)	4		S	ECH 158B or ECH 161C

Chemical Engineering & Materials Science Electives (8 units)

*Any upper division courses in the areas of Chemistry (CHE), Chemical Engineering (ECH) or Materials Science and Engineering (EMS)

Course	Units

Or courses may also be selected from the following:

Course Number	Description	Units	Qrt Offered		Prerequisites
BIS 102	Struc-Func Biomolecules	3	F	W	S BIS 1A or 2A; CHE 8B or CHE 118B or CHE 128B
FST 100A	Food Chemistry	4	F		CHE 8B; BIS 2A recommended
FST 102A	Malting and Brewing Science	4	F		BIS 102, 103; senior standing recommended
FST 102B	Practical Malting and Brewing	4		W	FST 102A and analytical experience beyond Chemistry 2C, such as Viticulture and Enology 123, Food Science and Technology 103, 123L, Molecular and Cellular Biology 120L
FPS 150	Polymer Synthesis and React.	3		S	CHE 128B or CHE 8B; CHE 107A

Other upper division courses in engineering or science will be considered on an individual basis.

*You may receive elective credit up to a maximum of 4 units for any combination of engineering courses numbered 190C, 192, 198, and 199.

☉ May be taken concurrently

☐ May be taken with consent of instructor

Revised: 7/31/17

Notes:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI .

http://chemeng.hust.edu.vn/images/stories/dao-tao/CNKTHH_upload2016.pdf

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ: Đại học

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật Hóa học

HÀ NỘI - 2010

7 Nội dung chương trình

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo (đối sánh với chương trình Cử nhân kỹ thuật)

TT	PHẦN CHƯƠNG TRÌNH	CNKT	KỸ SƯ	GHI CHÚ
I	Giáo dục đại cương	48TC	48TC	Yêu cầu chung cho khối kỹ thuật
1.1	Toán và khoa học cơ bản	32	32	26 chung khối kỹ thuật + 6 của ngành
1.2	Lý luận chính trị	10	10	Theo quy định chung của Bộ GD-ĐT.
1.3	GD thể chất	(5)	(5)	GDTC và GDQP-AN không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa.
1.4	GD quốc phòng-an ninh	(10)	(10)	
1.5	Tiếng Anh	6	6	Học theo lớp phân loại trình độ
II	Cơ sở và cốt lõi của ngành	49	49	Yêu cầu chung cho CNKT và KS
III	Thực tập kỹ thuật	2	2	Yêu cầu chung cho CNKT và KS
IV	Tự chọn tự do	10	10	Yêu cầu chung cho CNKT và KS (chọn từ danh mục do Viện phê duyệt)
V	Chuyên ngành	23	52-54	Theo từng chuyên ngành
5.1	Định hướng chuyên ngành CN	17	17	Yêu cầu chung cho CNKT và KS
5.2	Bổ sung chuyên ngành KS	-	15-18	Yêu cầu riêng của chương trình KS, khác chương trình CNKT từ HK8.
5.3	Tự chọn bắt buộc	-	6-8	Tùy theo từng CT kỹ sư
5.4	Đồ án tốt nghiệp	6	12	ĐATN kỹ sư (9TC) theo từng chuyên ngành, kết hợp TTTN (3TC)
	Tổng khối lượng	132 TC	161-163 TC	

Ghi chú:

- Đối tượng tuyển sinh 4.1 học đầy đủ 161-163TC gồm toàn bộ các phần chương trình từ I-V
- Đối tượng tuyển sinh 4.2, 4.3 chỉ phải học phần V (chuyên ngành) và những học phần chuyển đổi cần thiết, riêng CNKT đã theo đúng định hướng chuyên ngành thì chỉ phải học 33-37 TC gồm các phần 5.2, 5.3 và 5.4.

7.2 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

[illegible]

MIL1110	Đường lối quân sự của Đảng	3(3-0-0-6)	x												
MIL1120	Công tác quốc phòng-an ninh	3(3-0-0-6)		x											
MIL1130	QS chung và KCT bắn súng AK	4(3-1-1-8) *			x										
	Ngoại ngữ (K54)	6TC													
FL1101	Tiếng Anh TOEIC I	3(0-6-0-6)	3												
FL1102	Tiếng Anh TOEIC II	3(0-6-0-6)		3											
	Ngoại ngữ (K55)	6TC													
FL1100	Tiếng Anh Pre-TOEIC	3(0-6-0-6)	3												
FL1101	Tiếng Anh TOEIC I	3(0-6-0-6)		3											
	Toán và khoa học cơ bản	26 TC													
MI1110	Giải tích I	4(3-2-0-8)	4												
MI1120	Giải tích II	3(2-2-0-6)		3											
MI1130	Giải tích III	3(2-2-0-6)		3											
MI1140	Đại số	4(3-2-0-8)	4												
PH1110	Vật lý I	3(2-1-1-6)	3												
PH1120	Vật lý II	3(2-1-1-6)		3											
EM1010	Quản trị học đại cương	2(2-0-0-4)		2											
IT1110	Tin học đại cương	4(3-1-1-8)			4										
	Bổ sung toán và khoa học cơ bản	6 TC													
CH1010	Hóa học đại cương	3 (2-1-1-6)			3										
MI3180	Xác suất thống kê và Quy hoạch thực nghiệm	3 (3-1-0-6)			3										
II	Cơ sở và cốt lõi ngành	49TC			6	11	15	12	5						
ME2015	Đồ họa kỹ thuật cơ bản	3 (3-1-0-6)			3										
CH2000	Nhập môn kỹ thuật hóa học	3 (2-1-1-6)			3										
CH3120	Hóa vô cơ	3 (3-1-0-6)				3									
CH3130	Thí nghiệm Hóa vô cơ	1 (0-0-2-2)						1							
CH3220	Hóa hữu cơ	4 (4-1-0-8)						4							
CH3230	Thí nghiệm Hóa hữu cơ	1 (0-0-2-2)						1							
CH3050	Hóa lý 1	2 (2-1-0-4)				2									
CH3052	Thí nghiệm Hóa lý 1	1 (0-0-2-2)				1									
CH3060	Hóa lý 2	3 (3-1-0-6)						3							
CH3062	Thí nghiệm Hóa lý 2	1 (0-0-2-2)						1							
CH3330	Hóa phân tích	2 (2-1-0-4)				2									
CH3340	Thí nghiệm Hóa phân tích	2 (0-0-4-4)						2							
CH3323	Phương pháp Phân tích bằng công cụ	2(2-1-0-4)							2						
CH3324	Thực hành phân tích bằng công cụ	1(0-0-2-2)							1						
CH3400	Quá trình & thiết bị CN hóa học 1 (Các QT thủy lực và thủy cơ)	3 (3-1-0-6)				3									
CH3412	Quá trình & thiết bị CN hóa học 2 (các QT Nhiệt)	2 (2-1-0-4)						2							
CH3420	Quá trình & thiết bị CN hóa học 3 (các QT chuyển khối)	3 (3-1-0-6)							3						

CH3480	Thí nghiệm QTTB 1	1 (0-0-2-2)					1								
CH3490	Thí nghiệm QTTB 2	1 (0-0-2-2)					1								
CH3440	Đồ án QTTB	2 (0-0-4-4)						2							
CH3454	Phương pháp số trong CNHH	2 (2-0-1-4)					2								
CH3452	Mô phỏng trong CNHH	3 (2-0-2-6)						3							
CH3456	Cơ khí ứng dụng	3 (3-1-0-6)					3								
III	Thực tập kỹ thuật (thực hiện 4 tuần từ trình độ năm thứ 3)	2TC						2							
IV	Tự chọn tự do	10TC				2	2	4	2						
EE2010	Kỹ thuật điện	3 (3-1-0-6)													
EE2012	Kỹ thuật điện	2 (2-1-0-4)													
HE2010	Kỹ thuật nhiệt	3 (3-1-0-6)													
ET2010	Kỹ thuật điện tử	3 (3-1-0-6)													
CH3470	Kỹ thuật hóa học đại cương	3 (3-1-0-6)													
CH4850	Hóa học phức chất	2 (2-0-0-4)													
CH3800	Xây dựng công nghiệp	2 (2-1-0-4)													
BF4810	CN SH đại cương	2 (2-1-0-4)													
EV3301	Kỹ thuật bảo vệ môi trường công nghiệp	2 (2-0-0-4)													
EV3305	Môi trường và con người	2 (2-0-0-4)													
ME2030	Cơ khí đại cương	2 (2-1-0-4)													
MSE3011	Vật liệu học đại cương	2 (2-1-0-4)													
FL3108	Tiếng Anh chuyên ngành CN Hóa - Sinh	2 (2-1-0-4)													
FL4110	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2 (3-0-0-4)													
V-1	Chuyên ngành CN hữu cơ - hóa dầu	52TC							10	16	14	12			
V-1-1	Định hướng chuyên ngành CN	17TC													
CH4032	Hóa học dầu mỏ và khí	2 (2-1-0-4)						2							
CH4030	Động học xúc tác	2 (2-1-0-4)						2							
CH4042	Thiết bị tổng hợp hữu cơ hóa dầu	2 (2-1-0-4)						2							
CH4040	Công nghệ tổng hợp hữu cơ-Hóa dầu	2 (2-1-0-4)						2							
CH4036	Công nghệ chế biến dầu	3 (3-1-0-6)							3						
CH4038	Công nghệ chế biến khí	2 (2-1-0-4)						2							
CH4034	Sản phẩm dầu mỏ	2 (2-0-0-4)							2						
CH4026	Đồ án chuyên ngành	2 (0-0-4-4)							2						
V-1-2	Bổ sung chuyên ngành KS	15TC													
CH5200	Nhiên liệu sạch	2 (2-1-0-4)							2						
CH5201	Công nghệ tổng hợp hợp chất trung gian	2 (2-1-0-4)							2						
CH5202	Nhiên liệu rắn	2 (2-1-0-4)									2				
CH5203	Hóa học và sản phẩm dầu	2 (2-1-0-4)							2						
CH5204	Công nghệ chế biến dầu và khí	2 (2-1-0-4)									2				
CH5205	Thí nghiệm chuyên ngành	3 (0-0-6-6)							3						
CH5206	Đồ án chuyên ngành kỹ sư Hóa dầu	2 (0-0-4-4)									2				
V-1-3	Tự chọn (Chọn 8 TC từ gói tự chọn A)	8TC									8				
CH5800	Thực tập cuối khóa	3 TC												3	
CH5900	Đồ án tốt nghiệp	9 TC												9	
	Cộng khối lượng toàn khoa	161 TC	16	17	18	16	17	16	19	16	14	12			

V-2	Chuyên ngành Công nghệ Polyme – Composit	53 TC								11	16	14	12
V-2-1	Định hướng chuyên ngành CN	17TC											
CH4090	Hóa lý polyme cơ sở	2(2-0-0-4)								2			
CH4092	Hóa học polyme cơ sở	3(3-0-1-6)								3			
CH4094	Hóa học các chất tạo màng và sơn	2(2-0-0-4)								2			
CH4096	Công nghệ cao su	2(2-0-0-4)								2			
CH4098	Công nghệ chất dẻo	2(2-0-0-4)								2			
CH4100	Công nghệ vật liệu polyme - composit	2(2-0-0-4)									2		
CH4074	Môi trường trong gia công vật liệu polyme và composit	2(2-0-0-4)									2		
CH4084	Đồ án chuyên ngành	2(0-0-4-4)									2		
V-2-2	Bổ sung chuyên ngành KS	16TC											
CH5250	Hóa lý polyme nâng cao	2(2-0-1-4)									2		
CH5251	Hóa học polyme nâng cao	2(2-0-1-4)									2		
CH5252	Kỹ thuật vật liệu sơn	2(2-0-1-4)									2		
CH5253	Kỹ thuật vật liệu cao su	2(2-0-1-4)									2		
CH5254	Kỹ thuật vật liệu chất dẻo	2(2-0-0-4)									2		
CH5255	Kỹ thuật vật liệu polyme composit	2(2-0-1-4)										2	
CH5256	Máy và thiết bị gia công polyme	2(2-0-0-4)										2	
CH5257	Đồ án chuyên ngành kỹ sư Polyme	2(0-0-4-4)										2	
V-2-3	Tự chọn (chọn 8TC từ gói tự chọn A)	8TC										8	
CH5801	Thực tập cuối khóa	3 TC											3
CH5901	Đồ án tốt nghiệp	9 TC											9
	Cộng khối lượng toàn khoá	162TC	16	17	18	16	17	16	20	16	14	12	
V-3	Chuyên ngành Công nghệ điện hóa và bảo vệ kim loại	52 TC								10	17	13	12
V-3-1	Định hướng chuyên ngành CN	17 TC											
CH4150	Điện hóa lý thuyết	4 (3-1-1-8)								4			
CH4152	Công nghệ mạ	3 (2-1-1-6)								3			
CH4154	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	3 (2-1-1-6)								3			
CH4156	Điện phân thoát kim loại	2 (2-1-0-4)									2		
CH4158	Nguồn điện hóa học	3 (2-1-1-6)									3		
CH4146	Đồ án chuyên ngành	2 (0-0-4-4)									2		
V-3-2	Bổ sung chuyên ngành KS	15TC											
CH5300	Điện hóa bề mặt	2 (2-1-0-4)									2		
CH5301	Thiết bị điện hóa và phương pháp thiết kế	4 (4-1-0-8)									4		
CH5302	Điện phân không thoát kim loại	2 (2-1-0-4)										2	
CH5303	Tổng hợp điện hóa hữu cơ	2 (2-1-0-4)										2	
CH5304	Thí nghiệm chuyên ngành	3 (0-0-6-6)										3	
CH5305	Đồ án chuyên ngành kỹ sư điện hóa	2 (0-0-4-4)										2	
V-3-3	Tự chọn (chọn 8TC từ gói các học phần B)	8TC									4	4	
CH5802	Thực tập cuối khóa	3 TC											3
CH5902	Đồ án tốt nghiệp	9 TC											9
	Cộng khối lượng toàn khoá	161 TC	16	17	18	16	17	16	19	17	13	12	

V-4	Chuyên ngành Công nghệ vật liệu silicat	53 TC							2	17	20	14
V-4-1	Định hướng chuyên ngành CN	17 TC							.			
CH4210	Hoá lý Silicat 1	4 (4-0-1-8)							4			
CH4212	Thiết bị công nghiệp Silicat 1	4 (4-1-0-8)							4			
CH4214	Lò công nghiệp Silicat 1	3 (3-1-0-6)							3			
CH4195	Khoáng vật học Silicat	2 (2-0-0-4)							2			
CH4193	Thí nghiệm cơ sở chuyên ngành Silicat	2 (0-0-4-4)							2			
CH4208	Đồ án chuyên ngành	2 (0-0-4-4)							2			
V-4-2	Bổ sung chuyên ngành KS	18 TC										
CH5352	Công nghệ các chất kết dính vô cơ	3 (3-1-0-6)									3	
CH5353	Công nghệ gốm sứ	3 (3-1-0-6)									3	
CH5354	Công nghệ thủy tinh	3 (3-1-0-6)									3	
CH5355	Công nghệ vật liệu chịu lửa	3 (3-1-0-6)									3	
CH5356	Thí nghiệm chuyên ngành Silicat 1	2 (0-0-4-4)									2	
CH5357	Thí nghiệm chuyên ngành Silicat 2	2 (0-0-4-4)									2	
CH5358	Đồ án chuyên ngành kỹ sư Silicat	2 (0-0-4-4)										2
V-4-3	Tự chọn (Chọn 6TC từ gói tự chọn B)	6 TC						2			4	
CH5803	Thực tập cuối khóa	3 TC										3
CH5903	Đồ án tốt nghiệp	9 TC										9
	Cộng khối lượng toàn khoá	162TC	16	17	18	16	17	16	11	17	20	14
V-5	Chuyên ngành Công nghệ các chất vô cơ	53 TC							10	15	16	12
V-5-1	Định hướng chuyên ngành CN	17TC										
CH4251	Công nghệ muối khoáng	2(2-1-0-4)							2			.
CH4272	Kỹ thuật tách và làm sạch	2(2-1-0-4)							2			
CH4274	Động học và thiết bị phản ứng	2(2-1-0-4)							2			
CH4278	Hóa vô cơ công nghiệp	2(2-1-0-4)							2			
CH4242	Nhiệt động kỹ thuật hóa học	2(2-1-0-4)							2			
CH4257	Chế biến khoáng sản	2(2-1-0-4)									2	
CH4276	Vật liệu vô cơ	2(2-1-0-4)									2	
CH4266	Thí nghiệm chuyên ngành 1	2(0-0-4-4)									2	
CH4280	Đồ án chuyên ngành	1 (0-0-2-2)									1	
V-5-2	Bổ sung chuyên ngành KS	16TC										
CH5408	Công nghệ phân bón	2 (2-1-0-4)										2
CH5400	Công nghệ các chất Ni tơ	2 (2-1-0-4)										2
CH5409	Công nghệ soda và các chất kiềm	2 (2-1-0-4)										2
CH5410	Công nghệ axit sunfuric	2 (2-1-0-4)										2
CH5411	Xử lý nước	2 (2-1-0-4)										2
CH5401	Chất màu vô cơ công nghiệp	2 (2-1-0-4)										2
CH5402	Thí nghiệm chuyên ngành 2	2 (0-0-4-4)										2
CH5403	Đồ án chuyên ngành kỹ sư CNVC	2 (0-0-4-4)										2
V-5-3	Tự chọn (Chọn 8 TC từ gói tự chọn B)	8TC									8	
CH5804	Thực tập cuối khóa	3										3
CH5904	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	9										9
	Cộng khối lượng toàn khoá	162TC	16	17	18	16	17	16	19	15	16	12

V-6	Chuyên ngành Công nghệ Hóa lý	53 TC								10	13	18	12
V-6-1	Định hướng chuyên ngành CN	17 TC											
CH4330	Quá trình điện hóa	2 (2-1-0-4)								2			
CH4332	Các phương pháp vật lý và hóa lý nghiên cứu cấu tạo chất	2 (2-1-0-4)								2			
CH4328	Các phương pháp xử lý nước thải	2 (2-1-0-4)									2		
CH4336	Xúc tác phức và ứng dụng	2 (2-1-0-4)								2			
CH4338	Hóa học các chất hoạt động bề mặt	2 (2-1-0-4)								2			
CH4313	Hóa học vật liệu tiên tiến	2 (2-1-0-4)								2			
CH4340	Ứng dụng tin học trong hóa học	2 (2-1-0-4)									2		
CH4324	Đồ án chuyên ngành	3 (0-0-6-6)									3		
V-6-2	Bổ sung chuyên ngành KS	16 TC											
CH5450	Hóa học chất rắn	3(3-0-0-6)									3		
CH5451	Kỹ thuật xúc tác	3(3-0-0-6)									3		
CH5452	Hóa lý các hiện tượng bề mặt	3(3-0-0-6)										3	
CH5455	Quy hoạch TN và lý thuyết tối ưu	2 (2-1-0-4)										2	
CH5453	Điện hóa ứng dụng	3 (3-0-0-6)										3	
CH5454	Động hóa học và xúc tác	2 (2-0-0-4)										2	
V-6-3	Tự chọn (Chọn 8 TC từ gói tự chọn B)	8 TC										8	
CH5805	Thực tập cuối khóa	3 TC											3
CH5905	Đồ án tốt nghiệp	9 TC											9
	Cộng khối lượng toàn khoá	162 TC	16	17	18	16	17	16	19	13	18	12	
V-7	Chuyên ngành Quá trình và Thiết bị CN Hóa học	52 TC								10	16	14	12
V-7-1	Định hướng chuyên ngành CN	17 TC											
CH4392	Thí nghiệm chuyên ngành	2 (0-0-4-4)								2			
CH4362	Kỹ thuật hóa học đại cương	3 (3-1-0-6)								3			
CH4394	Phương pháp tối ưu trong CNHH	2 (2-1-0-4)									2		
CH4396	Kỹ thuật phản ứng	3 (3-1-0-6)								3			
CH4390	Đồ án chuyên ngành	2 (0-0-4-4)									2		
ME4911	CAD 2D và vẽ tách	2 (2-1-0-4)								2			
EE3559	Điều khiển quá trình	3 (3-0-1-6)									3		
V-7-2	Bổ sung chuyên ngành KS	15 TC											
CH5503	Kỹ thuật công trình trong CN Hóa học	2 (2-1-0-4)										2	
CH5504	Kỹ thuật tách hỗn hợp nhiều cấu tử	2 (2-1-0-4)									2		
CH5505	Kỹ thuật hệ thống	2 (2-1-0-4)										2	
CH5506	Mô hình điều khiển	2 (2-1-0-4)										2	
CH5507	Công nghệ màng	3 (3-1-0-6)									3		
CH5500	Thiết kế cơ khí cho thiết bị hóa chất	2 (2-1-0-4)										2	
CH5501	Đồ án 3	2 (0-0-4-4)										2	
V-7-3	Tự chọn (chọn 8TC từ gói tự chọn C)	8 TC									4	4	
CH5806	Thực tập cuối khóa	3 TC											3
CH5906	Đồ án tốt nghiệp	9 TC											9
	Cộng khối lượng toàn khoá	161 TC	16	17	18	16	17	16	19	16	14	12	
V-8	Chuyên ngành Công nghệ Xenluloza	53 TC								10	18	13	12

	và Giấy												
V-8-1	Định hướng chuyên ngành CN	17TC											
CH4450	Hóa học gỗ	2 (2-1-0-4)							2				
CH4452	Hóa học xenluloza	2 (2-0-0-4)							2				
CH4454	Công nghệ sản xuất bột giấy	3 (3-0-0-6)							3				
CH4456	Công nghệ sản xuất giấy	3 (3-0-0-6)							3				
CH4444	Thí nghiệm chuyên ngành	3 (0-0-6-6)								3			
CH4458	Thiết bị sản xuất bột giấy và giấy	2 (2-1-0-4)								2			
CH4446	Đồ án môn học chuyên ngành	2 (0-0-4-4)								2			
V-8-2	Bổ sung chuyên ngành KS	16TC											
CH4009	Hóa học và hóa lý polyme	2(2-0-0-4)								2			
CH5550	Công nghệ sản xuất bột giấy tái chế	3 (3-0-1-6)								3			
CH5557	Hóa học phân ướ	2(2-1-0-4)								2			
CH5558	Sản xuất bột giấy hiệu suất cao	2(2-1-0-4)								2			
CH5559	Trắng phủ giấy	2 (2-1-0-4)								2			
CH5560	Bảo vệ môi trường trong công nghiệp giấy	2 (2-1-0-4)									2		
CH5551	Thí nghiệm công nghệ bột giấy và giấy	3(0-0-6-6)									3		
V-8-3	Tự chọn (Chọn 8 TC từ gói tự chọn A)	8TC									8		
CH5807	Thực tập cuối khóa	3 TC										3	
CH5907	Đồ án tốt nghiệp	9 TC										9	
	Cộng khối lượng toàn khoá	162 TC	16	17	18	16	17	16	19	18	13	12	
V-9	Chuyên ngành Công nghệ Hóa dược và BVTV	54 TC							10	15	17	12	
V-9-1	Định hướng chuyên ngành CN	17TC											
CH4480	Các quá trình cơ bản tổng hợp hữu cơ	2 (2-1-0-4)							2				
CH4482	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	2 (2-1-0-4)							2				
CH4484	Các quá trình cơ bản tổng hợp hóa dược	2 (2-1-0-4)							2				
CH4490	Cơ sở kỹ thuật bào chế	2 (2-1-0-4)							2				
CH4512	Phân tích cấu trúc bằng phổ	2 (2-1-0-4)							2				
CH4486	Hóa học bảo vệ thực vật	3 (3-1-0-6)								3			
CH4510	Hóa dược đại cương	2 (2-1-0-4)								2			
CH4508	Đồ án chuyên ngành	2 (0-0-4-4)								2			
V-9-2	Bổ sung chuyên ngành KS	17 TC											
CH5608	Sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP	2(2-0-0-4)								2			
CH5609	Hóa học cây thuốc và kỹ thuật chiết xuất	2(2-0-0-4)									2		
CH5600	Tổng hợp Hóa dược 1	2(2-1-0-4)									2		
CH5601	Tổng hợp Hóa dược 2	2(2-1-0-4)									2		
CH5610	Kỹ thuật tổng hợp các hợp chất có hoạt tính sinh học	2(2-1-0-4)								2			
CH5602	Tổng hợp hóa BVTV	2(2-1-0-4)									2		
CH5603	Gia công thuốc BVTV	2(2-0-0-4)									2		
CH5604	Thí nghiệm chuyên ngành	3(0-0-6-6)									3		
V-9-3	Tự chọn (Chọn 8 TC từ gói tự chọn A)	8 TC									4	4	
CH5808	Thực tập cuối khóa	3 TC										3	
CH5908	Đồ án tốt nghiệp	9 TC										9	
	Cộng khối lượng toàn khoá	163 TC	16	17	18	16	17	16	19	15	17	12	
V-10	Chuyên ngành Máy và Thiết bị CN	53 TC							13	12	16	12	

[illegible]

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI
NGÀNH KỸ THUẬT DẦU KHÍ

1. Chuyên ngành: Khoan khai thác
2. Chuyên ngành: Khoan thăm dò - khảo sát
3. Chuyên ngành: Thiết bị dầu khí
4. Chuyên ngành: Địa chất dầu khí

Hà Nội, năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BỘ MÔN THIẾT BỊ DẦU KHÍ VÀ CÔNG TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THIẾT BỊ DẦU KHÍ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Dại học Mô - Địa chất	Mã học phần	TC	ĐH Gubkin, LB Nga	TC
	Tên học phần			Tên học phần	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		54		
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		48	Phần cơ bản	19
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	4020101	2	Lịch sử	3
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	4020102	3	Triết học	3
3	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	4020301	3	Ngoại ngữ	7
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	2	Lý thuyết kinh tế	3
5	Tiếng Anh NEF1	4010601	3	Kinh tế và quản lý sản xuất	3
6	Tiếng Anh NEF2	4010602	3	Toán học và các môn tự nhiên	
7	Giáo dục thể chất 1	4010701	1	Phần cơ bản	48
8	Giáo dục thể chất 2	4010702	1	Toán	17
9	Giáo dục thể chất 3	4010703	1	Đạo hàm và Hình học giải tích	6
10	Giáo dục thể chất 4	4010704	1	Tích phân và chuỗi	4
11	Giáo dục thể chất 5	4010705	1	Hàm nhiều biến và phương trình vi phân	4
12	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	4300101	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	3
13	Đại số	4010101	3	Công nghệ thông tin	6
14	Giải tích 1	4010102	4	Thuật toán và lập trình	4
15	Giải tích 2	4010103	3	Tin học căn bản	2
16	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	3	Vật lý	11
17	Vật lý đại cương A2 + TN	4010202	3	Cơ sở Cơ học và vật lý phân tử	4
18	Hóa học đại cương 1 + TN	4010301	3	Điện từ và sóng	3
19	Tin học đại cương	4080201	3	Vật lý lượng tử	4
20	Pháp luật đại cương	4020103	2	Hóa học	5
				Cơ học lý thuyết	7
				Sinh thái (Môi trường)	2
				Chính trị học	2
				Xã hội học	2
				Lịch sử ngành dầu khí	2

48	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	4060514	2	Sinh thái (Môi trường)	2
49	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	4060515	2		
50	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	4060504	3		
III.1.3 Kiến thức chuyên sâu					
III.1.3.1 Hướng chuyên sâu 1 (DKTB 1): Thiết bị khoan					
			15	ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH	
				Phần cơ bản	55
51	Công nghệ khoan dầu khí	4060413	2	Hình học họa hình	4
52	Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	4060506	3	Đồ họa máy tính	7
53	Thiết bị khoan Dầu khí 1	4060519	3	Nguyên lý máy	6
54	Đồ án Thiết bị khoan Dầu khí 1	4060520	1	Chi tiết máy và cơ sở thiết kế	8
55	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	4060507	3	Vật liệu học	4
56	Thiết bị khoan thăm dò - Khảo sát	4060523	3	Công nghệ vật liệu xây dựng	3
III.1.3.2 Hướng chuyên sâu 2 (DKTB 2): Thiết bị khai thác, thu gom, vận chuyển					
			15	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	7
57	Thiết bị Khai thác Dầu khí 1	4060521	3	Điện và điện tử	7
58	Đồ án Thiết bị khai thác Dầu khí 1	4060522	1	Đo lường, tiêu chuẩn	5
				An toàn lao động	4
59	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	4060505		CHUYÊN MÔN "Máy và Thiết bị dầu khí"	29
60	Công trình đường ống và bể chứa dầu khí	4060508	3	Máy và thiết bị khoan dầu khí	6
61	Công nghệ khai thác dầu khí	4060414	3	Máy và thiết bị khai thác và xử lý dầu khí	7
62	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	4060412	2	Cơ sở vận hành và sửa chữa thiết bị khoan và khai thác dầu	6
			2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật thiết bị dầu khí	6
III.2 Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 6TC)					
			8	Tùy biến tùy chọn	23
63	Phân tích bề trầm tích	4060202	2	Cơ học chất lỏng và khí	4
64	An toàn lao động và BVMT	4060216	2	Nhiệt động học	4
65	Địa hóa dầu khí	4060205	2	Phương trình vật lý - Toán	2
66	Cơ sở lý thuyết và các PP tìm kiếm thăm dò DK	4060219	2	Kỹ thuật nhiệt	3
67	Thủy động lực mỏ dầu khí	4060211	2	Bảo vệ chống ăn mòn thiết bị dầu khí	3
68	Trầm tích, tương đá, cổ địa lý +TH	4060201	3	Môn học sinh viên tự chọn	7
69	Hóa học dầu mỏ	4060338	3	Block 1	3
70	Khí trong công nghiệp	4060332	2	Cơ học xây dựng	3
71	An toàn lao động trong công nghệ hóa học	4060321	2	Cơ sở lý thuyết đàn hồi, dẻo và cơ học phá hủy	3
72	Quy hoạch thực nghiệm	4060314	2	Block 2	2
73	Cơ sở lọc hóa dầu	4060339	2	Cơ sở kỹ thuật đo	3

107	Tâm lý học đại cương *	4000002	2	Thiết bị khoan dầu khí trên biển	2
108	Tiếng Việt thực hành *	4000003	2	Thiết bị khai thác dầu khí trên biển	2
109	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	4000004	2	Block 2	2
110	Autocad	4010403	2	Làm kín hóa thiết bị dầu khí (Hermetic)	2
111	Tiếng Anh 3	4010603	2	Thiết bị đóng ngắt đường ống công nghiệp dầu khí -----	2
112	Tiếng Anh 4	4010604	2		
113	Tiếng Nga 1	4010605	2		
114	Tiếng Nga 2	4010606	2		
115	Tiếng Trung 1	4010607	2		
116	Tiếng Trung 2	4010608	2		
117	Cơ sở khai thác lộ thiên	4030113	2		
118	Cơ sở khai thác hầm lò	4030222	2		
119	Cơ sở tuyển khoáng	4030427	2		
120	Địa chất đại cương	4040101	2		
121	Địa mạo cảnh quan	4040110	2		
122	Cơ sở địa chất thủy văn – ĐCCT	4040616	3		
123	Định vị vệ tinh (GPS)	4050203	3		
124	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	4050301	3		
125	Cơ sở viễn thám	4050302	2		
126	Trắc địa đại cương	4050401	2		
127	Kỹ thuật môi trường	4050509	2		
128	Địa vật lý đại cương	4060101	3		
129	Công nghệ lọc hóa dầu	4060340	2		
130	Kỹ thuật dầu khí đại cương	4060402	2		
131	Kinh tế và QTDN	4070304	2		
132	Quản trị dự án đầu tư	4070331	2		
133	Nguyên lý kế toán	4070401	2		
134	Mã nguồn mở trong chuyên ngành	4080309	2		
135	Thiết kế Website	4080153	2		
136	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	4100167	2		
137	Môi trường và phát triển bền vững	4110114	2		
138	Địa y học	4110130	2		
139	Môi trường và con người	4110114	2		
IV	Thực tập tốt nghiệp		7	Thực tập và thực tập sản xuất	15
140	Thực tập sản xuất	4060516	3	Thực tập đào tạo (nghề nghiệp vụ)	3

УЧЕБНЫЙ ПЛАН

УТВЕРЖДАЮ:

Квалификация БАКАЛАВР

РГУ нефти и газа имени И.М. Губкина

Срок обучения
Набор 2015 года, ФГОС 3+

4 года

II. Сводные данные по бюджету времени (нед)

[illegible]

Обозначения: ☐ теорет., ☒ экзам., ☐ учебная практика, ☐ произв., ☐ диплом., ☐ госуд., ☐ каникулы, ☒ факульт.

[illegible]

Учебная практика			Производственная практика			Итоговая государственная аттестация	
Название практики	сем	нед	Название практики	сем	нед	Выпускная квалификационная работа	Государственные экзамены
Учебная практика (получение рабочей профессии)	2	2	Производственная практика	6	4		Профиль (8 сем)
Учебная практика	4	2	Преддипломная практика	8	2		

Декан факультета инженерной механики, профессор

А.К. Прыгаев

Заведующий кафедрой машин и оборудования нефтяной и газовой промышленности, профессор

В.Н. Ивановский

Председатель учебно-методической комиссии факультета инженерной механики, доцент

Б.М. Гантимиров

СОГЛАСОВАНО:

Начальник УМУ, профессор

А.Д. Макаров

Link:

http://www.gubkin.ru/sveden/education/programs/Ucheb_plan_15.03.02.MO_2015.pdf

HÀNG DỐI CHIẾU SƠ SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KHOAN KHAI THÁC DẦU KHÍ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

STT	Đại học Mỏ - Địa chất		Đại học Bách khoa TP. HCM		Đại học Oklahoma - America	
	Tên học phần	Mã HP	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
I	Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc					
	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	† Approved Elective: Western Civ. & Culture (Core IV)	3
	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	4020102		3	† Approved Elective: Non-Western Culture (Core IV)	3
	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	History of U.S., 1492-1865, or U.S., 1865-Present (Core IV)	3
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	American Federal Government (Core III)	3
	Tiếng Anh HW 1a	4010601	Anh văn 1	2	Prin. of English Composition (Core I)	
	Tiếng Anh HW 2a	4010602	Anh văn 2	2	Prim. of English Composition (Core I), or Expository Writing	3
	Giáo dục thể chất 1	4010701	Giáo dục thể chất 1	0		
	Giáo dục thể chất 2	4010702	Giáo dục thể chất 2	0		
	Giáo dục thể chất 3	4010703	Giáo dục thể chất 3	0		
	Giáo dục thể chất 4	4010704				
	Giáo dục thể chất 5	4010705				
	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	4300101	Giáo dục quốc phòng	0		
	Đại số	4010101	Đại số tuyến tính	3	Intro. to Ordinary Differential Equations	3
	Giải tích 1	4010102	Giải tích 1	4	Differential & Integral Calculus I (Core I)	4
	Giải tích 2	4010103	Giải tích 2	4	Differential & Integral Calculus II	4
	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	Vật lý 1 Thí nghiệm vật lý	4 1	General Physics for Engineering & Science Majors	4
	Vật lý đại cương A2 + TN	4010202	Vật lý 2	4	General Physics for Engineering & Science Majors (Core II)	4
	Hóa học đại cương 1 + TN	4010301	Hóa đại cương	3	General Chemistry (Core II)	5
					General Chemistry	5
					Differential & Integral Calculus III	4
	Pháp luật đại cương	4020103	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	† Approved Elective: Social Science (Core III)	3
	Tin học đại cương (dùng cho Kỹ thuật)	4080201				
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (SV chọn 6 TC)		Các môn tự chọn nhóm A (chọn 2 TC trong nhóm sau)			
(Mức A)	Phương pháp tính	4010106	Phương pháp tính	3	Numerical Methods for Petroleum Engineering Computing	3
	Trần tối ưu	4010105				
	Lý thuyết đồ thị	4010112				
	Xác suất thống kê	4010105	Xác suất và thống kê	3		
			Địa thống kê	2		
II	Kiến thức giáo dục chuyên ngành			110		
			Nhập môn về kỹ thuật	3		
			Tính thể - Khoáng vật - Thạch học	3		
			Thực tập Tính thể Khoáng vật và thạch học	1		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành hạt buộc			30		
	Kỹ thuật dầu khí đại cương	4060402	Cơ sở kỹ thuật dầu khí	3	Intro. to Petroleum Engineering Systems	1
			Tính toán ứng dụng trong kỹ thuật dầu khí	2		

STT	Đại học Mỏ - Địa chất			Đại học Bách Khoa TP HCM			Đại học Oklahoma - America		
	Tên học phần	Mã HP	TG	Tên học phần	TG	Tên học phần	TG		
	Đồ án cuối	4060402	2	Đồ án cuối	2	Physical Geology	1		
	Đồ án môn học và báo cáo đồ án	4060403	2	Đồ án môn học và báo cáo đồ án	2	Physical Geology & Stratigraphy Lab	1		
	Thực địa phổ thông	4060526	2	Thực tập địa chất kiến tạo	1				
	Hình học họa hình	4010401	2						
	Vẽ kỹ thuật	4010402	2						
	Cơ học lý thuyết 1	4010501	2	Cơ ứng dụng	5				
				Cơ học đất	2	Rock Properties Lab	1		
	Sức bền vật liệu C	4030505	2	Cơ lưu chất	3	Fluid Mechanics	3		
	Kỹ thuật nhiệt B	4090415	2			Mechanics of Materials	3		
	Kỹ thuật điện - điện tử	4090342	3			Thermodynamics	3		
	Kỹ thuật thủy khí C	4090418	2						
	Địa vật lý đại cương	4060142	2	Địa vật lý đại cương	3				
	Công nghệ vật liệu	4090419	2						
	Thực tập địa vật lý đại cương	4060143	1						
	Thực tập địa chất đại cương (Cơ sở)	4040114	1	Thực tập địa chất cơ sở (ngoài trường)	1				
	Thực tập tác địa phổ thông	4050527	1						
II.2	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		25						
II.2.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		14						
	Địa chất dầu khí	4060218	3	Cơ sở khoa học địa chất dầu khí	3	Introductory Petroleum Geology & Geophysics	3		
	Mây thủy lực và mây nền khí	4090541	3	Mây thủy lực - Mây nền (Tự chọn nhóm A)	2				
	Cân bằng pha và hóa keo + TN	4010307	3	Hóa lý hóa keo	3				
	Nguyên lý mây	4090421	2						
	Cơ sở thiết kế máy	4090406	3						
II.2.2	Kiến thức chuyên ngành		11						
	Nguyên lý phá hủy	4060401	2	Nguyên lý phá hủy đất đá (Tự chọn nhóm A)	2				
	Tiếng anh chuyên ngành	4060416	3						
	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4060417	2			Reservoir Rock Properties	3		
	Tính chất vật lý tầng chứa	4060410	2			Petroleum Reservoir Fluids	3		
	Thực tập giáo học khoan	4060427	2	Thực tập khoan	1				
II.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo hướng chuyển sâu(Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng chuyển sâu)		24	Thực hành thí nghiệm xương (ngoài trường, trong vòng 1 tuần, được tổ chức trong học kỳ hệ cùng đợt với môn Thực tập sản xuất cho sinh viên năm 3)	1				
II.3.1	Hướng chuyển sâu (DKDK 1): Công nghệ khoan dầu khí		24						
	Đồ án Công nghệ Khoan dầu khí	4060415	1	Đồ án môn học Công nghệ Khoan dầu khí	1	Drilling and Production Engineering Lab	1		
	Công nghệ khoan dầu khí 1	4060404	3	Công nghệ khoan dầu khí	3	Drilling and Completions I	3		
	Dung dịch khoan và hóa trăn + TN	4060406	4	Dung dịch khoan và xi măng	2				
	Khoan định hướng	4060409	2						
	Thiết bị khoan dầu khí 3	4060530	3						
	Đồ án Thiết bị khoan dầu khí	4060522	1						
	Công nghệ Khoan dầu khí 2	4060505	2	Phân tích và thiết kế khoan dầu khí	2	Drilling and Completions II	3		

STT	Đại học Mỹ - Địa chất		Đại học Bách Khoa TP HCM		Đại học Oklahoma - America	
	Tên học phần	Mã HP	Ty	Tên học phần	Ty	Ty
	Công nghệ khai thác dầu khí	4060414	2			
	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	4060435	2			
	Điều khiển giếng dầu khí	4060431	2			
	Khoan thăm dò - Khảo sát	4060426	2			
	Hướng chuyên sâu (ĐKKĐ 2): Công nghệ khai thác dầu khí		24			
11.3.2	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa mỏ dầu khí	4060206	2	Cơ sở thủy địa cơ học	3	
	Thủy động lực học mỏ dầu khí	4060211	2			
	Kỹ thuật khai thác khí thiên nhiên	4060419	2			
	Công nghệ khai thác dầu khí 1	4060407	3	Công nghệ khai thác dầu khí	3	Production Engineering I
	Đồ án Công nghệ khai thác dầu khí	4060421	1	Đồ án môn học Công nghệ Khai thác dầu khí	1	
	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	4060412	2	Thu gom và vận chuyển dầu khí	2	Reservoir Fluid Mechanics Lab
				Công nghệ xử lý dầu khí	3	
	Công nghệ khoan dầu khí	4060413	2			
	Kỹ thuật mỏ dầu khí	4060411	3	Kỹ thuật vỉa dầu khí	3	Reservoir Engineering I
	Đồ án Kỹ thuật mỏ dầu khí	4060438	1	Đồ án môn học kỹ thuật vỉa dầu khí	1	Reservoir Engineering II
11.4	Thiết bị khai thác dầu khí 3	4060531	3			
	Đồ án Thiết bị khai thác dầu khí	4060523	1			
	Công nghệ khai thác dầu khí 2	4060408	2	Phân tích và dự báo khai thác dầu khí	2	Production Engineering II
	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (SV chọn 8 (Mục B) TC)		8	Các môn tự chọn nhóm B (chọn 2 TC trong nhóm s	2	
	Phân tích hệ tuần tiết	4060202	2	Điều khiển tự động trong kỹ thuật dầu khí (Tự chọn nh	2	
	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí	4060219	2	Kỹ thuật an toàn lao động (Tự chọn nhóm B)	2	
	An toàn lao động và BVMT	4060216	2			Approved PE Elective
	Địa hoá dầu khí	4060205	3			
	Thủy động lực mỏ dầu khí	4060211	2			
	Địa chất thủy văn mỏ dầu khí	4060206	2			
	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	4060217	2			Integrated Reservoir Management (Capstone)
	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	4060209	2			
	Tiếng Anh chuyên ngành Địa vật lý	4060133	3			
	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	4060132	3			
	Địa nhiệt	4060124	2			
	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	4060123	2	Địa vật lý giếng khoan	3	Formation Evaluation with Well Logs
	Tính chất vật lý tầng chứa	4060410	2			
	Khoan - khai thác đại cương	4060403	2			
	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	4060412	2			
	Công nghệ khoan dầu khí	4060413	2			
	Công nghệ khai thác dầu khí	4060414	2			
	Phức tạp và sự cố trong Khoan	4060418	2			
	Kỹ thuật khai thác khí thiên nhiên	4060419	2			
	Thu hồi dầu khí tăng cường	4060420	2			
	Khoan khảo sát Cảnh và giếng K thuật	4060423	2			
	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ Môi trường	4060428	2			
	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	4060430	2			
	Khoan thăm dò - Khảo sát	4060426	2			
	Điều khiển giếng dầu khí	4060431	2			

STT	Đại học Nio - Địa chất		Đại học Bách khoa TP HCM		Đại học Oklahoma - America		TC
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	
	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	4060435	2				
	Hoàn thiện phòng dầu khí	4060441	2	Hoàn thiện phòng và kích thích vỉa	2		
	Học học dầu mỏ	4060339	2				
	Cơ sở học hóa dầu	4060509	4				
	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát + IDA	4060513	2				
	Thiết bị khai thác dầu khí 2	4060512	2				
	Thiết bị khoan dầu khí 2	4010406	3				
	Hình học và vẽ kỹ thuật	4010203	2				
	Vật lý đại cương A3						
II.5	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 8 TC)		8	Các môn tự chọn nhóm C (chọn 3 TC trong nhóm sau)			
(Mục C)	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính *	4000001	2	Quản lý sản xuất cho kỹ sư (Tự chọn nhóm C)	3	Approved Elective: Artistic Forms (Core IV)	3
	Tầm lý học đại cương *	4000002	2	Lập và phân tích dự án cho kỹ sư (Tự chọn nhóm C)	3	Technical Communications	2
	Tiếng Việt thực hành *	4000003	2	Quản lý dự án cho kỹ sư (Tự chọn nhóm C)	3		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	4000004	2				
	Autocad	4010403	1				
	Tiếng Anh 3	4010603	2	Ảnh văn 3	2		
	Tiếng Anh 4	4010604	2	Ảnh văn 4	2		
	Tiếng Nga 1	4010605	2				
	Tiếng Nga 2	4010606	2				
	Tiếng Trung 1	4010607	2				
	Tiếng Trung 2	4010608	2				
	Pháp luật đại cương	4020103	2				
	Cơ sở khai thác lò thiên	4030114	2				
	Cơ sở khai thác hầm lò	4030222	2				
	Cơ sở tuyển khoáng	4030422	2				
	Địa chất đại cương	4040101	3				
	Địa mạo cảnh quan	4040110	2				
	Cơ sở địa chất công trình - DCTV	4040517	3				
	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành ITD)	4050203	3				
	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	4050301	3				
	Cơ sở viễn thám	4050302	2				
	Trắc địa phổ thông + TT	4050510	3				
	Kỹ thuật môi trường	4050509	2				
	Địa vật lý đại cương + TT	4060101	3				
	Cơ sở học hóa dầu	4060339	2				
	Kỹ thuật dầu khí đại cương	4060402	2				
	Kinh tế và OTDN	4070304	3			Petroleum Economics	2
	Quản trị dự án dầu khí	4070531	2			Petroleum Project Evaluation	2
	Nguyên lý kế toán	4070401	3				
	Mã nguyên mô trong chuyên ngành	4080309	2			Statics and Dynamics	3
	Kỹ thuật điện + TN	4090301	2				
	Thiết kế website	4080153	2				
III	Thực tập nghề nghiệp		7				

